

CHUYÊN ĐỀ VĂN NGHỊ LUẬN**ÔN TẬP VĂN BẢN: NƯỚC ĐẠI VIỆT TA (NGUYỄN TRÃI)****I, KIẾN THỨC CƠ BẢN****1. Tác giả:**

- Nguyễn Trãi (1380 -1442) hiệu là Úc Trai, con của Nguyễn Phi Khanh, quê gốc ở Chí Linh, tỉnh Hải Dương,
- Ông là nhà yêu nước anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.

2. Văn bản

a, Hoàn cảnh sáng tác: *Tác phẩm “Bình Ngô đại cáo”*: ra đời trong không khí hào hùng của ngày vui đại thắng (1428), sau 10 năm k/c chống quân Minh xâm lược. Tác phẩm có ý nghĩa trọng đại như một bản tuyên ngôn.

*** Đoạn trích:** Nằm trong phần mở đầu của t/phẩm.

b, Phương thức biểu đạt: Nghị luận

c, Bố cục:

- + Hai câu đầu: Tư tưởng nhân nghĩa
- + Tám câu tiếp: Chân lý chủ quyền, độc lập dân tộc Đại Việt
- + Sáu câu còn lại: Sức mạnh của nhân nghĩa, của chủ quyền dân tộc.

d, Giá trị nghệ thuật:

- Sử dụng từ ngữ thể hiện tính chất hiển nhiên, vốn có, lâu đời của nước Đại Việt độc lập tự chủ
- Sử dụng phép so sánh, đối lập, đặt Đại Việt ngang hàng với Trung Quốc.
- Câu văn biền ngẫu ngắn, mạnh như lời hùng biện đanh thép.
- Biện pháp liệt kê các dẫn chứng cụ thể, các yếu tố xác định tư cách độc lập của dân tộc Đại Việt.
- Kết hợp giữa lí lẽ và thực tế

e, Giá trị nội dung: *Nước Đại Việt ta* thể hiện quan niệm, tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi về Tổ Quốc, đất nước và có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập.

II, LUYỆN TẬP**A, DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU**

Đọc và trả lời câu hỏi:

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“ *Từng nghe:*

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,

Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.

Như nước Đại Việt ta từ trước,

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,

Núi sông bờ cõi đã chia

Phong tục Bắc - Nam cũng khác.

Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập,

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương,

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,

Song hào kiệt đời nào cũng có.....”

(Trích Nước Đại Việt ta - Ngữ văn 8, tập II, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

Câu 1: Tác giả của văn bản có chứa đoạn trích trên là ai? Văn bản chứa đoạn trích trên thuộc thể loại nào? Hãy trình bày những hiểu biết của em về thể loại ấy?

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì? Nêu hoàn cảnh sáng tác văn bản?

Câu 3: Nêu nội dung chính của đoạn trích trên?

Câu 4: Hãy giải thích từ “nhân nghĩa”?

Câu 5: Qua hai câu : “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”

Có thể hiểu cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là gì?

Câu 6: Đề khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc tác giả đã đưa ra những yếu tố nào? Yếu tố nào tác giả đưa lên đầu tiên? Tại sao?

Câu 7: Tìm những từ ngữ, biện pháp nghệ thuật tác giả sử dụng trong đoạn thơ đó? Tác dụng?

Câu 8: Ở bài “Nước Đại Việt ta” đã tiếp nối và phát triển những yếu tố nào so với bài “ Sông núi nước Nam”?

Câu 9: Vì sao Bình Ngô đại cáo được xem là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc Việt Nam?

Câu 10: Từ nội dung của đoạn trích trên, em hãy viết một đoạn văn ngắn (5-7 câu) nêu suy nghĩ của em về vấn đề được gọi ra trong đoạn trích?

Gợi ý:

Câu 1:

- Tác giả: Nguyễn Trãi
- Thể loại: Cáo
- Cáo: Thể văn NL cổ được vua, chúa hoặc thủ lĩnh dùng để trình bày 1 chủ trương hay công bố kết quả 1 sự nghiệp để mọi người cùng biết. Được viết bằng văn biên ngẫu.

Câu 2:

- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận
- Thời gian sáng tác:Năm 1428, sau khi quân ta đại thắng quân Minh

Câu 3: Nội dung chính của đoạn trích: Niềm tự hào của tác giả về nước Đại Việt bao gồm không chỉ cương vực, địa phận mà cả những giá trị tinh thần như văn hóa, truyền thống lịch sử, phong tục, văn hiến.... sánh ngang cùng với triều đại phong kiến phương Bắc.

Câu 4: “Nhân nghĩa” là đạo lí, cách ứng xử và tình thương giữa con người với nhau .

Câu 5: Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là “yên dân” và “trừ bạo”

- “Yên dân” là đem lại cuộc sống yên ổn cho dân
 - “Trừ bạo” là diệt trừ quân xâm lược, cụ thể là giặc Minh
- ⇒ Muốn người dân được hưởng cuộc sống thái bình thì phải diệt trừ quân xâm lược

Câu 6: Những yếu tố:

- Nền văn hiến lâu đời.
- Cương vực lãnh thổ riêng.
- Lịch sử, chủ quyền riêng.
- Truyền thống, chế độ riêng.
- Văn hiến (Văn hiến: truyền thống văn hoá lâu đời và tốt đẹp) là yếu tố cơ bản nhất, có vai trò quan trọng đối với dân tộc, là hạt nhân để xác định tư cách tồn tại độc lập của một dân tộc. Đưa văn hiến lên hàng đầu và việc nhấn mạnh thêm nền văn hiến nước ta luôn có sự xuất hiện của những người tài giỏi là cách đập thẳng vào luận điệu coi thường dân ta là man di, mọi rợ của bọn phong kiến phương Bắc.

Câu 7:

- Các từ ngữ: Vốn, đã lâu, đã chia, cũng khác, bao đời, đời nào, cũng có
- >Với các phó từ chỉ quan hệ thời gian đi kèm, tác giả như khẳng định một cách chắc chắn nền độc lập, chủ quyền của đất nước ta vốn có từ lâu đời.
- Sử dụng biện pháp liệt kê, so sánh, phép đối, sử dụng câu văn biến ngẫu-> Đặt vị trí nước ta ngang hàng với phương Bắc, giọng văn hào sảng, nhằm khẳng định chủ quyền dân tộc và truyền thống lịch sử vẻ vang của Đại Việt.

Câu 8:

- Ở *Sông núi nước Nam*: ý thức về độc lập được xây dựng trên 2 yếu tố:
- + Lãnh thổ;
- + Chủ quyền.
- *Nước Đại Việt* ta tiếp nối 2 yếu tố trên và bổ sung 3 yếu tố:

- + Văn hiến;
- + Phong tục tập quán;
- + Truyền thống lịch sử.

Câu 9:

- Ý thức về nền độc lập dân tộc(Sông núi nước Nam) được xác định trên hai phương diện: lãnh thổ(Sông núi nước Nam) và chủ quyền (| Vua Nam ở)
- Bình Ngô đại cáo ý thức dân tộc cao hơn, sâu sắc và toàn diện nhiều hơn. Ngoài hai yếu tố lãnh thổ và chủ quyền, ý thức về độc lập dân tộc còn được mở rộng, bổ sung bằng các yếu tố mới, đầy ý nghĩa. Đó là văn hiến lâu đời, phong tục tập quán riêng, truyền thống lịch sử anh hùng “ bao đời xây nền độc lập”.

Câu 10:

- **Câu mở đoạn:** Đoạn trích trên đã khẳng định niềm tự hào của tác giả về sự trường tồn độc lập có chủ quyền của dân tộc Việt Nam.
- **Các câu khai triển:**
 - Ngày nay, chúng ta được sống trong một đất nước độc lập chủ quyền là niềm tự hào, là niềm hạnh phúc của mọi người.
 - Để có cuộc sống hòa bình như ngày nay ông cha ta đã đánh đổi bằng mồ hôi, nước mắt, sương máu thậm chí là tính mạng.
 - Thế hệ chúng ta cần phải biết ơn thế hệ cha ông đã mạng lại cuộc sống hòa bình đó.
 - Vậy chúng ta cần làm gì để xứng đáng với sự hi sinh của cha ông? Chúng ta cần phải học tập tốt, rèn luyện đạo đức tốt để trở thành người có ích cho đất nước để xứng đáng với sự hi sinh đó. Đồng thời, chúng ta cũng cần bồi đắp ý thức, trách nhiệm để gìn giữ sự bình yên và xây dựng Tổ Quốc ta ngày càng giàu đẹp.

- **Kết đoạn:** Tóm lại, bằng tài năng và tình cảm của mình, đoạn trích trên đã khẳng định niềm tự hào của tác giả về sự trường tồn độc lập có chủ quyền của dân tộc Việt Nam.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn thơ trả lời câu hỏi :

“Vậy nên:

.....**còn ghi”.**

Câu 1: Nêu nội dung chính của đoạn văn trên? Em có nhận xét gì về các dẫn chứng mà tác giả đưa ra trong đoạn thơ ?

Câu 2: Em có nhận xét gì về cách gọi của tác giả khi nhắc đến tướng giặc? Tư thế thất bại của chúng có giống nhau không?

Câu 3: Tác giả nói chúng có còn ghi, đó là những chứng cứ gì?

Câu 4: Từ nội dung văn bản “Nước Đại Việt ta”, em hiểu được điều gì về tác giả Nguyễn Trãi?

Câu 5: Nêu ý nghĩa của đoạn trích “Nước Đại Việt ta”?

Câu 6: Từ văn bản, em hãy nêu suy nghĩ về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với đất nước bằng một đoạn văn khoảng 7-10 câu ?

Gợi ý:

Câu 1:

- Nội dung: Sức mạnh của nhân nghĩa và độc lập dân tộc.
- Tác giả đã lấy các sự kiện lịch sử vẻ vang của dân tộc trong cuộc kháng chiến của Ngô Quyền với quân Nam Hán, của vua Lí Thường Kiệt với nhà Tống , của nhà Trần với quân Mông -Nguyên lần thứ 2.

Câu 2: Tác giả gọi thẳng tên của chúng, thể hiện thái độ coi thường. Những tư thế thất bại khác nhau được liệt kê đầy đủ một cách hả hê

Câu 3: Đó là dấu tích trên sông Bạch Đằng; là sự tháo chạy tán loạn của giặc. Là lịch sử chiến thắng quân Nam Hán, giặc Tống, quân Mông Nguyên lần lữa.

Câu 4: Là người yêu nước; có tư tưởng nhân nghĩa, tiến bộ; giàu tình cảm và lòng tự hào dân tộc...

Câu 5: Ý nghĩa: Nước ta là đất nước có nhiều nền văn hiến lâu đời, có chủ quyền riêng, có phong tục riêng, lịch sử riêng, kẻ xâm lược là kẻ phản nhân nghĩa nhất định sẽ thất bại.

Câu 6:

- **Mở đoạn:** Được sống trong hòa bình, tự do thế hệ trẻ cần có trách nhiệm gì với đất nước hôm nay?

*** Thân đoạn:**

- Chúng ta cần khắc sâu công ơn của các thế hệ đi trước, bảo vệ, giữ gìn nền hòa bình, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ.
- Đưa nước ta sánh ngang tầm các nước phát triển trên thế giới, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.
- Học tập trau dồi kiến thức, kỹ năng, (nhất là học ngoại ngữ), rèn luyện thể chất để có sức khỏe trí tuệ.
- Sống chủ động, tự lập phát huy thế mạnh của người Việt: cần cù, chăm chỉ, đoàn kết, nhân ái, ham học hỏi, ...tránh xa sự lười biếng ỷ nại ích kỉ, đồ kị.
- Đề cao cảnh giác và tỉnh táo trước những âm mưu chống phá nhà nước của các thế lực thù địch; tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; sẵn sàng chiến đấu khi Tổ Quốc cần...
- Không nên ăn chơi sa đọa, tham gia vào các tệ nạn xã hội, chìm trong sự hưởng thụ mà sống một cuộc đời mờ nhạt, không có mục tiêu.
- Cần rèn luyện thể chất, bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng, nâng cao trình độ để thực hiện sứ mệnh cao cả của tuổi trẻ đối với đất nước.

*** Kết đoạn:** Tóm lại, mỗi chúng ta , đặc biệt là tuổi trẻ cần phải có trách nhiệm với đất nước để góp phần giữ vững nền hòa bình và xây dựng đất nước phát triển.

B, DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN

Đề bài 1: Qua văn bản “Nước Đại Việt ta” em hãy làm sáng tỏ tư tưởng nhân nghĩa và lòng tự hào tự tôn dân tộc của Nguyễn Trãi?

Dàn bài(hướng dẫn)

1, Mở bài:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, văn bản

- Trích dẫn nhận định

2, Thân bài:

- Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là:

- + Yên dân
- + Trừ bạo
- + Mọi quan hệ

So sánh với tư tưởng nhân nghĩa của nho giáo

*Lòng tự hào, tự tôn dân tộc

- Thể hiện ở việc khẳng định chủ quyền, khẳng định độc lập dân tộc

“Nước Đại Việt ta từ trước,
Song hào kiệt đời nào cũng có”

+ Nguyễn Trãi đưa ra những yếu tố căn bản để xác định độc lập, chủ quyền của dân tộc

+ Tác giả: Sử dụng các từ ngữ thể hiện tính chất hiển nhiên vốn có: “từ trước”, “vốn”, “đã lâu”, “đã chia”, “cũng khác”, ...

Sử dụng biện pháp so sánh

- ⇒ Đặt ta ngang hàng với Trung Quốc cả về trình độ chính trị, tính chất chế độ quản lí
- ⇒ Nguyễn Trãi khẳng định: Các triều đại của Đại Việt từ bao đời đã sánh ngang hàng với các triều đại phương Bắc
- Thể hiện ở việc khẳng định sức mạnh của chính nghĩa “Lưu Tung ... còn ghi”

+ Nguyễn Trãi đưa ra những minh chứng đầy thuyết phục về sức mạnh của nhân nghĩa bằng việc liệt kê hàng loạt những chiến công của ta trong lịch sử

+ Nói rất ấn tượng về thất bại thảm hại của kẻ thù cũng chính là ngợi ca thắng lợi hào hùng của dân tộc ta.

3, Kết bài: Khẳng định lại vấn đề chứng minh.

Bài viết tham khảo:

Trong lịch sử văn học dân tộc, áng thiên cổ hùng văn “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi được coi là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai. Đó là áng văn tràn đầy lòng tự hào dân tộc. Chỉ qua đoạn trích “Nước Đại Việt ta” (Sách giáo khoa Ngữ văn 8 tập 2) ta đã thấy rõ điều đó.

“Bình Ngô đại cáo” ra đời sau khi Lê Lợi cùng nghĩa quân Lam Sơn đánh tan bè lũ xâm lược nhà Minh. Bài cáo ra đời bố cáo với toàn thiên hạ chiến thắng của dân tộc, khẳng định nền độc lập tự chủ của nước nhà đồng thời cảnh tỉnh ý thức của binh lính nhà Minh về cuộc chiến tranh phi nghĩa xâm lược nước ta.

Văn bản Nước Đại Việt ta là phần mở đầu của bài cáo. Tuy ngắn gọn nhưng đoạn trích nêu lên những tiền đề cơ bản, làm nổi bật những quan điểm tích cực, có ý nghĩa then chốt đối với nội dung của toàn bài. Những tiền đề đó là chân lí về nhân nghĩa và chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc Đại Việt.

Văn bản được mở đầu bằng những lời văn đầy nhân nghĩa:

“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”

Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là “yên dân”, “trừ bạo”. Yên dân là làm cho dân được hưởng thái bình, hạnh phúc. Mà muốn yên dân thì trước hết phải diệt trừ bọn tàn bạo. Người dân mà tác giả nói đến ở đây là những người dân Đại Việt đang phải chịu bao đau khổ dưới ách thống trị của giặc Minh. Như vậy khái niệm nhân nghĩa của Nguyễn Trãi gắn liền với lòng yêu nước, gắn liền với quốc gia, dân tộc. Những kẻ bạo ngược mà tác giả nói đến ở đây không phải ai khác, đó chính là bọn giặc Minh nói riêng và bè lũ xâm lược nói chung.

Đoạn trích được nối tiếp bằng những dòng văn đầy tự hào:

“Như nước Đại Việt ta từ trước

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu

Núi sông bờ cõi đã chia

Phong tục Bắc Nam cũng khác

Từ Triệu Đinh Lí Trần bao đời xây nên độc lập

Cùng Hán Đường Tống Nguyên mỗi bên xưng đế một phương

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau

Song hào kiệt đời nào cũng có”

Để khẳng định chủ quyền độc lập của dân tộc, Nguyễn Trãi đã dựa vào các yếu tố như: nền văn hiến lâu đời, cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán, lịch sử riêng, chế độ riêng. Với những yếu tố căn bản này, tác giả đã đưa ra một khái niệm khá hoàn chỉnh về quốc gia, dân tộc.

Sức thuyết phục của văn chính luận Nguyễn Trãi là ở chỗ kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và thực tiễn. Quả đúng như vậy! Người anh hùng Nguyễn Trãi đã tự tin khẳng định truyền thống văn hiến lâu đời của nước Việt ta. Và quả thực chúng ta rất tự hào bởi trên thực tế:

Núi sông bờ cõi đã chia

Phong tục Bắc Nam cũng khác

Nhân dân ta có chủ quyền, có thuần phong mỹ tục riêng làm nên hai phương Bắc - Nam khác biệt. Ta có nền độc lập vững vàng được xây bằng những trang sử vẻ vang. Hùng cứ cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên ở phương Bắc là các triều Triệu, Đinh, Lý, Trần ở phương Nam. Hơn thế nữa, bao đời nay:

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau

Song hào kiệt đời nào cũng có

So với ý thức về quốc gia dân tộc trong bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc - bài thơ “Sông núi nước Nam” - thì ở tác phẩm này của Nguyễn Trãi, ta thấy nó vừa có sự kế thừa lại vừa có sự phát huy và hoàn thiện. Ý thức về nền độc lập của dân tộc thể hiện trong bài Sông núi nước Nam được xác định ở hai phương diện: lãnh thổ và chủ quyền; còn trong bài: Nước Đại Việt ta, ý thức dân tộc đã phát triển cao, sâu sắc và toàn diện. Ngoài lãnh thổ và chủ quyền, ý thức về độc lập dân tộc còn được mở rộng, bổ sung thành các yếu tố mới: đó là nền văn hiến lâu đời, đó là phong tục tập quán riêng, truyền thống lịch sử anh hùng. Có thể nói, ý thức dân tộc đến thế kỉ XV đã phát triển sâu sắc, toàn diện hơn nhiều so với thế kỉ X.

Trong phần văn bản “Nước Đại Việt ta”, tác giả sử dụng nhiều lớp từ ngữ diễn đạt tính chất hiển nhiên, vốn có lâu đời của nước Đại Việt ta. Các từ như: từ trước, vốn xưng, đã lâu, đã chia, cũng khác,... Bên cạnh đó, biện pháp so sánh kết hợp với liệt kê cũng tạo cho đoạn văn hiệu quả cao trong lập luận (tác giả đặt nước ta ngang

hàng với Trung Hoa về nhiều phương diện như: trình độ chính trị, văn hoá,...). Đặc biệt, những câu văn biền ngẫu, chạy song song liên tiếp với nhau cũng giúp cho nội dung nghệ thuật và chân lí mà tác giả muốn khẳng định chắc chắn và rõ ràng hơn.

Với tư cách là phần văn bản mở đầu áng thiên cổ hùng văn “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi, văn bản “nước Đại Việt ta” đã khẳng định lí tưởng yêu nước, thương dân của những nhà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Hơn thế, đoạn trích còn khẳng định vị thế dân tộc trên nhiều phương diện, từ đó thể hiện lòng tự hào dân tộc vô bờ của tác giả.

Đề bài 2: Nước Đại Việt ta là áng văn tràn đầy lòng tự hào dân tộc. Hãy viết bài giới thiệu về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm và làm sáng tỏ nội dung nhận xét trên.

Gợi ý làm bài

– Bài viết này kết hợp cả văn giới thiệu (thuyết minh) và văn nghị luận (chứng minh). Có hai nội dung cần thuyết minh là : về tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, về văn nghị luận, cần làm sáng tỏ nội dung bao trùm lên đoạn trích Nước Đại Việt ta là lòng tự hào dân tộc.

a) Nêu được tác giả bài văn này là Nguyễn Trãi (1380 – 1442) – người đã từng sát cánh cùng Lê Lợi lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Minh ; người có công lao to lớn với cuộc kháng chiến chống giặc Minh, nhưng sau này bị chết một cách oan nghiệt. Nguyễn Trãi là người anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hoá thế giới, đồng thời là nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc.

b) Nêu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm Bình Ngô đại cáo, trong đó có đoạn trích Nước Đại Việt ta. Bài đại cáo này là do Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi soạn thảo sau khi cuộc kháng chiến chống quân Minh vừa kết thúc (năm 1428) để tuyên bố chiến thắng vừa giành được.

c) Về nội dung nhận xét cần làm sáng tỏ, cần nêu được các ý sau :

- Tự hào về dân tộc đã có một nền văn hiến, một truyền thống văn hoá tốt đẹp, lâu đời (Như nước Đại Việt ta từ trước – Vốn xưng nền văn hiến đã lâu).
- Tự hào về một đất nước có lãnh thổ riêng, phong tục tập quán riêng (Núi sông bờ cõi đã chia – Phong tục Bắc Nam cũng khác).

- Tự hào về một dân tộc luôn có truyền thống lịch sử vẻ vang (Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập- Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, mỗi bên xưng đế một phương).
 - Tự hào về một dân tộc luôn có người tài giỏi, thao lược (Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau – Song hào kiệt đời nào cũng có).
 - Tự hào về một đất nước có nhiều chiến công vang lừng đã được lưu danh sử sách (Lưu Cung tham công nên thất bại ... Việc xưa xem xét – Chứng cứ còn ghi).
- Đề 3:** Chứng minh sự tiếp nối và phát triển của ý thức độc lập dân tộc từ bài thơ “ Nam Quốc sơn hà” đến đoạn trích “ Nước Đại Việt ta”(Nguyễn Trãi)

1. Mở bài: Tuy ở những bối cảnh lịch sử khác nhau nhưng cả hai áng văn thơ bất hủ : “ Nam Quốc sơn hà” và “ Nước Đại Việt” đều thể hiện chung khát vọng độc lập dân tộc, tự do của đất nước. Đó là những lời khẳng định một cách đanh thép, mãnh liệt về chủ quyền của chúng ta.

2. Thân bài:

a. Chứng minh văn bản “ Nam Quốc sơn hà”

- Vào năm 1076 cuộc chiến đấu chống xâm lược đang bước sang giai đoạn gay go, ác liệt thì nơi phòng tuyến Sông Cầu trong đền thờ hai anh em Trương Hồng và Trương Hát vang lên tiếng đọc thơ sang sảng:

Sông núi nước Nam vua Nam ở
 Vằng vặc sách trời chia xứ sở
 Cớ sao giặc dữ phạm đến đây
 Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời.

Tác giả đã khẳng định “Sông núi nước Nam” là của người Nam, nước Nam cũng có vua ngang hàng với vua Trung Hoa điều đó đã được sách trời ghi rõ. Tác giả đã khẳng định nước Nam có chủ quyền độc lập dân tộc, có lãnh thổ riêng, có đế vương riêng.

Sông núi nước Nam vua Nam ở
 Vằng vặc sách trời chia xứ sở

Tác giả khẳng định , chỉ rõ chân tướng của lũ giặc, lũ cướp nước, trái với luân thường đạo lý thì nhất định sẽ phải nhận lấy hậu quả.

b. Chứng minh văn bản “ Nước Đại Việt ta”

- Nếu như trong bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên, ta mới chỉ thấy vị trí của Nam Đê bởi vua là đất nước mà chưa thấy yếu tố nhân dân thì ở bản Tuyên ngôn độc lập thứ hai trong bài “ Bình Ngô đại cáo” đã thể hiện một quan điểm nhân sinh rõ ràng.

- Cũng như bài thơ thần, mở đầu bài cáo cũng là những lời khẳng định dứt khoát và chắc chắn về sự tồn tại ngang hàng của một quốc gia phương Nam với một quốc gia phương Bắc. Quốc gia này không chỉ có đế, không chỉ có lãnh thổ rõ ràng mà quốc gia này còn có một quá khứ oai hùng trong công cuộc chống ngoại xâm và đặc biệt từ xa xưa đã có một nền văn hiến lâu đời:

“Như nước Đại Việt ta từ trước

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu”

Đồng thời:

“ Núi sông bờ cõi đã chia

Phong tục Bắc Nam cũng khác”

- Sự phân định, rạch ròi giữa hai lãnh thổ đã được nêu ra. Văn hiến và phong tục nước ta tốt đẹp. Nhân dân ta bảo vệ được núi sông, văn hiến, phong tục là nhờ những cuộc đấu tranh anh dũng chống kẻ thù.

- Tác phẩm đã thể hiện niềm tin sắt đá vào chính nghĩa, vào sức mạnh dân tộc. Nhân nghĩa tức là yên dân, muốn yên dân thì phải trừ bạo, tức là đánh đuổi giặc ngoại xâm.

- Nguyễn Trãi đã sử dụng thể văn biền ngẫu, cặp câu đối nhau rất tương xứng:

“ Từ Triệu Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau

Song hào kiệt đời nào cũng có.

Các câu văn tương xứng để chứng tỏ sự song song tồn tại của hai quốc gia. Nếu như tác phẩm “ Nam Quốc sơn hà” chỉ nêu về việc sách trời chia xứ sở thì ở Bình Ngô Đại cáo đã nói lên cả thể hệ, một quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc ta chứng tỏ dân tộc ta cũng có một vị trí ngang hàng với Trung Quốc, với những vị hào kiệt, anh hùng. Một lần nữa Nguyễn Trãi chứng tỏ sự giàu mạnh của đất nước ta với các nhân tài. Ở thế kỉ thứ XV Bình Ngô đại Cáo của Nguyễn Trãi với những giá trị hết sức lớn lao về tư tưởng và nghệ thuật xứng đáng là “ thiên cổ hùng văn”, là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của dân tộc.

3. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề

- Tóm lại, đã bao nhiêu năm trôi qua những lời trong bản tuyên ngôn của cha ông để lại vẫn sáng ngời như ngọc quý. “ Nam Quốc sơn hà” và “ Bình Ngô đại cáo” vẫn mãi là ánh thơ, văn bất hủ.

ÔN TẬP VĂN BẢN : HỊCH TƯỚNG SĨ(TRẦN QUỐC TUẤN)

I, KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. **Tác giả:** *Trần Quốc Tuấn (1231 - 1300)* tức Hưng Đạo Vương là một danh tướng kiệt xuất của dân tộc. Ông được vua Trần Nhân Tông cử làm tiết chế thống lĩnh trong cả hai cuộc kháng chiến chống quân Nguyên 1285 và 1287, cả hai lần đều thắng lợi vẻ vang. Lúc già ông về trí sĩ ở Vạn Kiếp (Chí Linh - Hải Dương). Nhân dân tôn thờ ông là Đức Thánh Trần và lập đền thờ ở nhiều nơi.

2. Văn bản

a, Hoàn cảnh sáng tác: Viết trước cuộc kháng chiến chống Mông- Nguyên lần 2(1285).

b, Phương thức biểu đạt: Nghị luận

c, Bố cục:

Gồm có bốn đoạn:

+ Đoạn một (từ đầu đến câu **còn lưu tiếng tốt**): Nêu gương sử sách nhằm khích lệ ý chí lập công xả thân vì nước.

+ Đoạn hai (từ *huống chi* đến *cũng vui lòng*): Sự xác xược của kẻ thù và lòng căm thù giặc của tác giả.

+ Đoạn ba (từ các *ngươi* đến *phòng có được không*): Mối ân tình giữa chủ và các tướng sĩ và phân tích phải trái, đúng sai.

+ Đoạn bốn (còn lại): nêu lên nhiệm vụ cấp bách và lời khuyên răn bày tỏ thiết hơn.

d, Giá trị nghệ thuật: + Cách lập luận: Khích lệ nhiều mặt để tập trung vào một hướng.

+ Tư tưởng cốt lõi: quyết tâm giết giặc cứu nước.

+ Kết hợp hài hoà giữa yếu tố chính luận và yếu tố văn chương

+ Luận điểm, luận cứ chặt chẽ, lời văn gợi cảm, thống thiết.

+ Sử dụng phép so sánh, đối lập, điệp ngữ, câu hỏi tu từ, hình ảnh ẩn dụ khoa trương.

e, Giá trị nội dung: Bài hịch phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, thể hiện qua lòng căm thù giặc, ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược.

II, LUYỆN TẬP

A, DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Ta thường nghe: Kỷ Tín (1) đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế; Do Vu (2) chia lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương. Dư Nhượng (3) nuốt than, báo thù cho chủ; Thân Khoái (4) chặt tay cứu nạn cho nước. Kinh Đức (5) một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung; Cảo Khanh (6) một bầy tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước, đời nào chẳng có? Ví thử mấy người đó cứ khư khư theo thói nữ thường tình thì cũng đến chết hoai ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách cùng trời đất muôn đời bất hủ được? “

Câu 1: Đoạn trích trên được trích trong văn bản nào? Văn bản đó thuộc thể loại nào? Nêu hiểu biết của em về thể loại đó?

Câu 2: Tác giả đã nêu một số tấm gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách của Trung Quốc, đó là những ai? Vì sao họ được nêu gương?

Câu 3: Câu “Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước, đời nào chẳng có?” thuộc kiểu câu gì, thực hiện hành động nói nào?

Câu 4: Nhận xét nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn? Nêu tác dụng?

Câu 5: Tác giả nêu các gương trung thần nghĩa sĩ nhằm mục đích gì ?

Gợi ý:

Câu 1:

- Đoạn trích trên được trích trong văn bản Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn. Văn bản đó thuộc thể loại Hịch.

- Hịch- thể văn nghị luận cổ xưa dùng để tập hợp lực lượng, lên án kẻ thù, kêu gọi hành động, răn dạy, vỗ về quân sĩ, dân chúng.

-

Câu 2: - Có người làm tướng: Kỉ Tín, Do Vu, Dữ Nhượng, Thân Khoái, Kính Đức, Cảo Khanh...

- Có người làm gia thần: Vương Công Kiên, Cốt Đãi Ngột Lang...

- Có người làm quan nhỏ: Thân Khoái

-> Họ sẵn sàng chết vì vua, vì nước, không sợ hiểm nguy, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Câu 3: Câu “Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước, đời nào chẳng có?” thuộc kiểu câu nghi vấn, thực hiện hành động nói khẳng định.

Câu 4: Nghệ thuật: Liệt kê, dùng câu cảm thán -> nhấn mạnh có rất nhiều tấm gương xả thân vì nước

Câu 5: *Khích lệ lòng trung quân ái quốc của các tướng sĩ thời Trần.*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi: “Huống chi, ta cùng các người sinh ra phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan. Lén nhìn sứ ngụy đi lại ngênh ngang ngoài đường, uốn tắc lưỡi cú diều mà lăng nhục triều đình; đem tấm thân dê chó mà khinh rẻ tổ phụ. ỷ mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để phụng sự lòng tham không cùng; khoác hiệu Vân Nam vương mà hạch bạc vàng, để vét kiệt của kho có hạn. Thật khác nào đem thịt ném cho hổ đói, tránh sao khỏi tai họa về sau.

Câu 1: Nêu nội dung chính của đoạn văn trên?

Câu 2: Em hiểu "thời loạn lạc" và "buổi gian nan" là muốn nói đến hoàn cảnh nào của đất nước ta lúc bấy giờ?

Câu 3: Tác giả đã liệt tả tội ác của giặc như thế nào?

Câu 4: Hình ảnh “lưỡi cú diều”, “thân dê chó” được tác giả dùng với dụng ý gì?

Câu 5: *Chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh so sánh trong câu cuối đoạn văn?*

Câu 6: Em có nhận xét gì về bản chất của bọn giặc?

Câu 7: Từ việc vạch trần bản chất sứ giặc tác giả đã khơi gợi ở tướng sĩ điều gì?

-TQT muốn truyền tới các tướng sĩ lòng căm thù giặc, nổi oán hận khi quốc thể bị lăng nhục để từ đó mà thổi bùng lên ngọn lửa căm thù ở tướng sĩ.

Câu 8: Cảm xúc của em khi đọc đoạn trích trên?

Gợi ý:

Câu 1: Nội dung chính của đoạn văn trên: Đoạn văn nói đến tội ác và sự ngang ngược của giặc.

Câu 2: - Khi tác giả nói " Ta cùng các người sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan" ấy là khi đất nước ta đang đứng trước hoạ xâm lăng của quân Mông-Nguyên. "*Ta cùng các người*" đang cùng chung gian nan, thử thách cùng vinh, nhục với đất nước.

Câu 3:

- đi lại *nghe nh* ngang
- uốn lưỡi cú diều, *sỉ mắng* triều đình
- đem thân dê chó, *bắt nạt* tể phụ
- *thác mệ*nh Hồ Tắt Liệt *đòi* ngọc lụa, lòng tham không cùng
- *giả hiệ*u Vân Nam Vương *thu* bạc vàng, *vét* của kho

Câu 4:

Nghệ thuật ẩn dụ, từ ngữ giàu hình ảnh- " Cú và diều " là hai loài chim mà người xưa coi là hai loài chim xấu và dữ.

-"Thân dê chó" là thân thể của loài súc vật bẩn thỉu, tanh hôi, thấp hèn.

- Với việc dùng hình ảnh ẩn dụ- vật hoá, tác giả đã vạch trần bộ mặt xấu xa của tên sứ giặc -> Thái độ khinh bỉ của mình.

Câu 5:

- Hình ảnh so sánh-"hồ đói" là một loại thú dữ. Đã là hồ đói thì không biết phải ném bao nhiêu thịt mới vừa. Cũng có lúc, người nuôi hồ đói phải thế mạng→ lời nhận định rất sắc sảo về tình hình hiện tại của đất nước.

-Với tài năng của một vị Tiết chế thống lĩnh, TQT đã chỉ rõ được thảm cảnh của đất nước: "nước mất nhà tan". Trở lại hoàn cảnh lịch sử - Lúc này, kẻ thù đang lấn le xâm lược, 50 vạn quân do Thoát Hoan cầm đầu đang áp sát biên giới, thế giặc lần này mạnh hơn rất nhiều so với lần trước. Tình hình đất nước đang " ngàn cân treo sợi tóc".

Câu 6: Bọn giặc ngạo mạn, hống hách, tham lam vô độ → **Bản chất căm thù.**

Câu 7: Trần Quốc Tuấn muốn truyền tới các tướng sĩ lòng căm thù giặc, nổi oán hận khi quốc thể bị lăng nhục để từ đó mà thổi bùng lên ngọn lửa căm thù ở tướng sĩ. → **Khơi gợi lòng căm thù, lòng tự tôn dân tộc**

Câu 8: Căm gét bọn giặc tham lam vô độ

- Thương xót cho những người dân vô tội.
- Yêu quý, kính trọng một vị tướng sáng suốt và có tâm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ giận chưa thể xả thịt, lột da, ăn gan, uống máu quân thù; dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn thân ta bọc trong da ngựa (15), cũng nguyện xin làm.”

Câu 1: Nêu nội dung và phương thức biểu đạt của đoạn văn trên?

Câu 2: Đoạn văn trên gồm mấy câu, mỗi câu thực hiện hành động nói nào?

Câu 3: Chỉ ra những động từ được sử dụng trong đoạn văn và nêu tác dụng?

Câu 4: Theo em có thể thay các từ quên bằng không, chưa bằng chẳng được không? Vì sao?

Câu 5: Hãy gọi tên và chỉ rõ một biện pháp nghệ thuật mà em đã học trong chương trình ngữ văn lớp 8 được tác giả sử dụng trong đoạn văn trên? Nêu tác dụng diễn đạt của biện pháp nghệ thuật đã được gọi tên ở trên

Câu 6: Viết đoạn văn diễn dịch trình bày cảm nhận về tình cảm của vị chủ tướng trong đoạn văn trên? Có sử dụng một câu nghi vấn và gạch chân?

Câu 7: Kể tên hai văn bản nghị luận trung đại khác trong chương trình Ngữ văn 8 cũng nói về lòng yêu nước

Câu 8: Trình bày suy nghĩ của em về lòng yêu nước của thế hệ trẻ ngày nay bằng một đoạn văn từ từ 5 đến 7 câu?

Gợi ý:

Câu 1:

- Đoạn văn nói về nỗi lòng của chủ tướng.

- Phương thức biểu đạt: Nghị luận, biểu cảm.

Câu 2: Gồm hai câu trần thuật

⇒ Bộc lộ cảm xúc

Câu 3: Những động từ được sử dụng trong đoạn văn : xả , lột, nuốt, uống -> Các động từ mạnh được sử dụng rất đắt để diễn tả lòng căm thù giặc sôi sục của vị chủ tướng.

Câu 4: Trong đoạn trích, không thể thay các từ **quên** bằng **không**, **chưa** bằng **chẳng** được, bởi vì nếu thay thế sẽ làm thay đổi hẳn ý nghĩa của câu.

Quên ở đây không có nghĩa là "không nghĩ đến, không để tâm đến". Phải dùng từ này mới thể hiện được chính xác ý của người viết: Căm thù giặc và tìm cách trả thù đến mức không quan tâm đến việc ăn uống, một hoạt động thiết yếu và diễn ra hằng ngày đối với tất cả mọi người.

Chưa có nghĩa là trong tương lai sẽ thực hiện được, còn nếu dùng từ **chẳng** thì sẽ không bao giờ thực hiện được ý định trả thù.

Câu 5:

Biện pháp: nói quá

- Chỉ rõ: “Ruột đau như cắt nước mắt đầm đìa chưa xả thịt lột da, nuốt gan, uống máu quân thù, trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa”

⇒ Nhấn mạnh lòng căm thù giặc sôi sục và quyết tâm đánh giặc cháy bỏng của vị chủ tướng

Câu 6:

Gợi ý:

- Nhiệt tình yêu nước cháy bỏng của tác giả biểu hiện ở lòng căm thù giặc sôi sục, sâu sắc tận xương tủy. Cùng với sự căm thù là nỗi lo lắng cháy gan, cháy ruột, nỗi đau đớn cực độ khi nhìn giặc hoành hành ngang ngược. Và đặc biệt là quyết tâm quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược.
- Đoạn văn chính luận giàu chất trữ tình, chứa chan cảm xúc: lời lẽ thống thiết lay động lòng người.

- **Mở đoạn(Câu chủ đề):** Đoạn trích trên trích trong văn bản “ Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn đã rất thành công trong việc bộc lộ lòng yêu nước căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn.

- **Thân đoạn:**

-Tấm lòng ấy được bộc lộ cụ thể ở hành động ‘ quên ăn, mất ngủ, đau đớn đến thất tim, thất ruột uất ức căm giận khi chưa trả được thù; sẵn sàng hi sinh để rửa mối nhục cho đất nước.

- Bao nhiêu tâm huyết đều dồn cả vào đoạn văn, mỗi chữ mỗi lời đều như chảy từ trái tim qua ngòi bút, qua trang giấy. Đoạn văn đã khắc họa sinh động hình tượng người anh hùng yêu nước Trần Quốc Tuấn. Người anh hùng ấy đang đau xót đến quặn lòng trước tình cảnh đất nước, đang căm thù giặc đến bầm gan, tím ruột, đang mang rửa nhục cho đất nước đến mất ngủ, quên ăn vì nghĩa lớn mà coi thường xương tan, thịt nát.

- Khi bày tỏ lòng mình Trần Quốc Tuấn đã nêu một tấm gương yêu nước bất khuất, có tác dụng động viên to lớn tới tướng sĩ. Phải chăng, ông đang muốn khơi gợi lòng yêu nước, căm thù giặc với tướng sĩ dưới quyền?

* **Kết đoạn:** Tóm lại, với đoạn văn chính luận giàu chất trữ tình, chứa chan cảm xúc: lời lẽ thống thiết lay động lòng người đã diễn tả sâu sắc tấm lòng với dân, với đất nước của Trần Quốc Tuấn.

- **Câu 7:** Hai văn bản nghị luận:

- Chiều dài đô
- Nước Đại Việt ta

Câu 8:

Lòng yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc ta từ xưa đến nay(1). Với nhiều thế hệ trẻ được thể hiện lòng yêu nước theo một cách khác nhau còn đối với thế hệ trẻ chúng em cách thể hiện lòng yêu nước là học tập thật tốt, nghe lời thầy cô giáo(2). Vậy chúng ta hiểu lòng yêu nước nghĩa là gì?(3) Lòng yêu nước là yêu thương đất nước, xóm làng và luôn luôn tự hào rằng mình là người Việt Nam(4). Dù chúng ta trong thời đại nào thì tình thần yêu nước của ta vẫn mãi mãi không thay đổi(5). Tóm lại, mỗi chúng ta đặc biệt là thế hệ trẻ cần thể hiện lòng yêu nước của mình từ những việc làm nhỏ nhất(6).

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“ Nay các người ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo; thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình đứng hầu quân man mà không biết tức; nghe nhạc thái thường đãi yến sứ ngụy mà không biết căm. Có kẻ lấy việc chọi gà làm vui; có kẻ lấy việc cờ bạc làm thích. Có kẻ chăm lo vườn ruộng để cung phụng gia đình; có kẻ quyến luyến vợ con để thỏa lòng vị kỷ. Có kẻ tính đường sản nghiệp mà quên việc nước; có kẻ ham trò săn bắn mà trễ việc quân. Có kẻ thích rượu ngon; có kẻ mê giọng nhảm.đau xót biết chừng nào?”

Câu 1: Nội dung chính của đoạn trích trên là gì? Hãy ghi lại nội dung đó bằng những câu ngắn gọn?

Câu 2: Trong đoạn trích trên tác giả đã phê phán việc làm sai trái nào của các tướng sĩ? Vì sao những việc làm đó lại được xem là sai trái

Câu 3: Câu “nay các người nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn” về hình thức thuộc kiểu câu nào?

Câu 4: “Lúc bấy giờ ta cùng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào” thuộc kiểu câu gì, thực hiện hành động nói nào?

Câu 5: Qua văn bản chứa đoạn trích trên em thấy tác giả là người như thế nào?

Câu 6: Tinh thần yêu nước là một trong những truyền thống của dân tộc ta. Em hãy nêu một vài biểu hiện của thế hệ trẻ ngày nay thể hiện truyền thống đó bằng một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) có sử dụng một câu nghi vấn?

Gợi ý:

Câu 1: Nội dung chính: Phê phán những sai lầm của tướng sĩ và chỉ ra hậu quả của những sai lầm đó

Câu 2: Tác giả phê phán những sai lầm của tướng sĩ

- Chủ nhục mà không biết lo
- Nước nhục mà không biết thẹn
- Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức

- Nghe nhạc thái thường dễ dãi yếm nguy sự mà không biết cảm
- Lấy việc chọi gà làm vui đùa
- Lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển
- Vui thú vườn ruộng, quyến luyến vợ con
- Lo làm giàu mà quên việc nước, ham săn bắn mà quên việc binh
- Thích rượu ngon, mê tiếng hát

Vì đó là thái độ thờ ơ bàng quang trước vận mệnh đất nước

Câu 3: Thuộc kiểu câu: phủ định

Câu 4: Kiểu câu cảm thán.->Thực hiện hành động nói: bộc lộ cảm xúc

Câu 5: Tác giả là một người yêu nước, căm thù giặc, sống tình cảm quan tâm đến đời sống các tướng sĩ, có tài khích lệ tướng sĩ.

Câu 6:

- **Mở đoạn:** Cũng như bao truyền thống khác, tinh thần yêu nước là một nét đặc sắc trong văn hóa lâu đời của nước ta, nó được thể hiện từ xưa đến nay và đi sâu vào từng hành động, ý nghĩ của mỗi con người, đặc biệt là của thế hệ trẻ ngày nay.
- **Thân đoạn:**
 - Ngày nay, tinh thần yêu nước được kế tục và được biểu hiện trên nhiều phương diện.
 - Khác với thời thời cha ông, thời cả dân tộc đồng lòng quyết tâm chung một lý tưởng đánh giặc cứu nước, giữ nước, và bảo vệ đất nước thì yêu nước được thể hiện ở tinh thần chiến đấu, hi sinh bản thân để cống hiến cho nền hòa bình, độc lập của Tổ Quốc. - Ngày nay, trong thời bình, quá trình hội nhập kinh tế, văn hóa, chính trị thì tinh thần yêu nước được thể hiện ở nhiều khía cạnh, lĩnh vực khác nhau. Mỗi người đều có một lý tưởng sống riêng, yêu nước trước hết là làm tròn nghĩa vụ của riêng bản thân, tôn trọng văn hóa, ngôn ngữ dân tộc. Mỗi người cũng lựa chọn riêng cho mình 1 cách riêng để thể hiện lòng yêu nước : có người đi nghĩa vụ canh giữ biên cương, có người lựa chọn cống hiến về tri thức (tham dự cuộc thi quốc tế, giới thiệu vẻ đẹp về quê hương, đất nước Việt Nam...).
- * **Kết đoạn:** Tóm lại, thế hệ trẻ cần xác định những việc làm như thế nào cho đúng đắn để thể hiện lòng yêu nước của mình?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“ Nếu bất chợt có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không đủ đâm thủng áo giáp của giặc; mẹo cờ bạc không đủ thi hành mưu lược nhà binh. (1)Vườn ruộng nhiều không chuộc nổi tấm thân ngàn vàng; vợ con bận không ích gì cho việc quân quốc(2). Tiền của dầu lắm không mua được đầu giặc; chó săn tuy hay không đuổi được quân thù(3). Chén rượu ngọt ngon không làm giặc say chết; giọng hát réo rắt không làm giặc điếc tai(4). Lúc bấy giờ chúa tôi nhà ta cùng bị bắt, đau xót biết chừng nào!có được không?”

Câu 1: Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm nào, tác giả là ai? Nêu ngắn gọn hoàn cảnh ra đời của tác phẩm?

Câu 2: Xác định nội dung của đoạn trích trên?

Câu 3: Xác định kiểu câu 1;2;4 và nêu mục đích nói của các câu đó?

Câu 4: Chỉ ra một biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích và phân tích tác dụng?

Câu 5: Khát vọng đánh thắng giặc ngoại xâm giành độc lập tự do cho Tổ Quốc của vị chủ tướng trong đoạn văn trên đã trở thành hiện thực. từ khát vọng, ước mơ đến hiện thực ấy là cả một chặng đường dài. Viết một đoạn văn (5-7 câu) nêu lên khát vọng, ước mơ của em và cả những dự định để biến những ước mơ ấy thành hiện thực.

Gợi ý:

Câu 1: Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn.

Hoàn cảnh: Vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên lần hai năm 1285, nhằm khích lệ tinh thần tướng sĩ học tập cuốn sách “Bình thư yếu lược” do tác giả soạn.

Câu 2: Nội dung: Hậu quả khi bị giặc ngoại xâm chiếm đóng.

Câu 1 là câu trần thuật

Mục đích : Trình bày suy nghĩ của tác giả

Câu 2 là câu cảm thán

Mục đích: bộc lộ cảm xúc

Câu 4: là câu nghi vấn

Mục đích: phủ định (bộc lộ cảm xúc)

Câu 4: Biện pháp nghệ thuật liệt kê những hậu quả của việc ăn chơi hưởng lạc của các tướng sĩ nếu khi giặc Mông tràn sang xâm lược nước ta-> Nhằm nhấn mạnh những tổn thất của ta và việc đề cao cảnh giác của các tướng sĩ.

Câu 3:

Qua văn bản “ Hịch tướng sĩ”, em hiểu được nếu con người không có ước mơ, không có khát vọng thì không thể làm được việc gì lớn(1). Em cũng có một ước mơ là muốn trở thành một giáo viên(2). Nghề giáo viên là một nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý(3). Để thực hiện được ước mơ đó thì ngay bây giờ điều mà em cần phải làm là học tập thật tốt để hoàn thành ước mơ của mình(4) Ngoài ra cũng phải rèn luyện đạo đức vì một giáo viên phải có đạo đức tốt thì mới dạy được trò ngoan(5). Vì như bác Hồ đã nói: “ Người có tài mà không có đức là người vô dụng, người có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”(6)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

“Nay ta chọn binh pháp.....biết bụng ta”.

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt của đoạn trích? Giải thích vì sao em chọn phương thức biểu đạt đó?

Câu 2: Câu: “Nếu vậy, rồi đây sau khi giặc giã dẹp yên, muôn đời để thẹn, há còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa?(1) Ta viết ra bài hịch này để các người biết bụng ta.(2)” Thuộc kiểu câu nào? Thực hiện hành động nói nào?

Câu 3: Tác giả đã kêu gọi binh sĩ như thế nào? Việc chỉ rõ hai con đường cho các tướng sĩ có tác dụng như thế nào?

Câu 4: Lời kêu gọi của Trần Quốc Tuấn có mục đích gì? Em có nhận xét gì về thái độ của tác giả thông qua lời kêu gọi trên? Đặt mình vào vị trí của tướng sĩ, em có hành động gì?

Câu 5: “*Ta viết ra bài hịch này để các người biết bụng ta*”. Cảm nhận của em về giọng điệu và ý nghĩa của câu văn cuối?

Câu 6: Cảm nhận của em về Trần Quốc Tuấn sau khi học xong văn bản?

Gợi ý:

Câu 1: Phương thức biểu đạt : Nghị luận vì đoạn trích có nhiều lí lẽ để thuyết phục binh sĩ học tập binh thư yếu lược, lựa chọn con đường chiến đấu để bảo vệ đất nước.

Câu 2:

Câu (1) Thuộc kiểu câu nghi vấn -Thực hiện hành động nói phủ định.

Câu (2) Thuộc kiểu câu trần thuật -Thực hiện hành động nói trình bày.

Câu 3: * Tác giả đã kêu gọi binh sĩ :

- Học tập, rèn luyện theo “Binh thư yếu lược”

- Mệnh lệnh

+Học “Binh thư yếu lược”

+Vạch ra 2 con đường:chính và tà cũng có nghĩa là sống-chết với vinh và nhục, bạn và thù

* Việc chỉ rõ hai con đường cho các tướng sĩ có tác dụng :

- Khích lệ ý chí đánh giặc.

- Động viên ý chí và thái độ dứt khoát, cương quyết và quyết tâm chiến đấu của các tướng sĩ

Câu 4:

- Lời kêu gọi của Trần Quốc Tuấn giúp binh sĩ từ bỏ lối sống cá nhân; động viên, cổ vũ tinh thần cho họ.

- Thái độ: dứt khoát, cương quyết, rõ ràng.

- Đặt mình vào vị trí của tướng sĩ, embBị thuyết phục, hưởng ứng.

Câu 5: Giọng điệu và ý nghĩa của câu văn cuối: Giọng điệu tâm tình, bày tỏ tấm lòng vì dân vì nước.

B, DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN

Đề bài 1: Chứng minh Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí và tình.

* **Dàn ý**

* **Mở bài:** Trần Quốc Tuấn (1231-1300) là người có phẩm chất cao đẹp, có tài năng văn võ song toàn, có công lao lớn trong các cuộc kháng chiến chống Mông Nguyên lần 2 và 3. *Hịch tướng sĩ* được ông viết khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần 2 (1285) để khích lệ tướng sĩ học tập cuốn "Binh thư yếu lược". Để thuyết phục tướng sĩ *Hịch tướng sĩ* có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí và tình

* Thân bài

- TQT đã nêu những tấm gương trung thần trong sử sách Trung Quốc. Họ là tướng Do Vu, Vương Công Kiên; gia thần nhỏ: Dư Nhượng, Kính Đức; quan nhỏ: Thân khoái. Tác giả nêu tên những trung thần nghĩa sĩ của Trung Quốc họ đã xả thân vì chúa bất chấp tính mạng để khích lệ ý chí xả thân vì nước.

- Sau khi nêu gương trung thần nghĩa sĩ tác giả chỉ ra hiện tình đất nước dưới tội ác của kẻ thù. Trong thời buổi loạn lạc sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, giả hiệu Vân Nam vương mà thu bạc vàng ... Thật khác nào đem thịt mà nuôi hổ đói... → chúng ngang ngược: đi lại nghênh ngang, bắt nạt tể phụ. Chúng tham lam tàn bạo vor vét, đòi hỏi, hạch sách hung hãn như hổ đói. Bằng giọng văn mỉa mai châm biếm, lột tả bằng những hành động thực tế và hình ảnh so sánh ẩn dụ: "lưỡi cú diều", "thân dê chó" để chỉ sứ nhà Nguyên → nỗi căm giận và khinh bỉ của Trần Quốc Tuấn. Đặt những hình tượng đó trong thế tương quan: "lưỡi cú diều" → "sỉ mắng triều đình"; "thân dê chó" → "bắt nạt tể phụ" → kích động mọi người thấy nỗi nhục lớn khi chủ quyền đất nước bị xâm phạm.

- Lòng căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn được biểu hiện cụ thể qua thái độ “ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu quân thù, dẫu cho trăm thân này ... vui lòng. → Thái độ uất ức, căm tức đến tột cùng, đến bầm gan tím ruột khi chưa trả được thù cho dân tộc, sẵn sàng hi sinh để rửa mối nhục cho đất nước, vì nghĩa lớn mà coi thường xương tan, thịt nát. Lòng căm thù được thể hiện bằng những trạng thái tâm lí cao nhất tột cùng của sự lo lắng tột cùng của sự đau xót. Mỗi chữ mỗi lời như chảy trực tiếp từ trái tim qua ngọn bút trên trang giấy đó khắc họa sinh động hình tượng người anh hùng yêu nước. Khi tự bày tỏ nỗi lòng mình chính Trần Quốc Tuấn đã là một tấm gương yêu nước bất khuất có tác dụng động viên to lớn đối với tướng sĩ.

- Trần Quốc Tuấn nêu mối ân tình giữa mình và tướng sĩ để khích lệ ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người đối với đạo vua tôi, tình cốt nhục cũng như đối với dân tộc. Cách cư xử của Trần Quốc Tuấn hằng ngày với tướng sĩ ân cần, quan tâm đến cuộc sống của họ “Không có áo.....cho áo, cơm; quan nhỏ thờ thưng chức; lương ít thờ cấp bổng; đi bộ ...cùng nhau vui cười”. Quan hệ giữa Trần Quốc Tuấn và các tướng sĩ là quan hệ tốt đẹp, ân tơnh trọn vẹn. Đó là mối quan hệ

trên dưới nhưng không theo đạo thần chủ mà là quan hệ bõnھ đẳg của những người cùng cảnh ngộ.

- Tiếp theo ông phê phán thái độ sống, hành động sai lầm của tướng sĩ để tướng sĩ nhận rõ: nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn, thích chọi gà, đánh bạc, thích rượu ngon... → Họ đó đánh mất danh dự của người làm tướng thờ ơ, bàng quan trước vận mệnh đất nước, lao vào các thú vui hèn hạ, toan tính tầm thường. Lối sống hưởng lạc, thái độ bàng quan vô trách nhiệm trước vận mệnh của Trung Quốc sẽ dẫn đến hậu quả tai hại khôn lường: thái ấp bổng lộc không còn, gia quyến vợ con khốn cùng, tan nát; xã tắc, tổ tiên bị giày xéo, thanh danh bị ô nhục... → Một cảnh đau đớn u ám do chính họ gây ra. Có khi tác giả dùng cách nói thẳng, gần như sỉ mắng; có khi mỉa mai, chế giễu nghiêm khắc rằng lúc lại chân thành bày tỏ thiệt hơn "cựa gà ..." → nghệ thuật đối lập để họ thấy được sự vô lí trong cách sống của mình, giọng khích tướng để họ mau chóng muốn chứng minh tài năng, phẩm chất của mình. Trần Quốc Tuấn vừa chân tình chỉ ra những cái sai tướng như nhỏ nhất nhưng có tính giáo dục rất cao: vừa phê phán nghiêm khắc hành động hưởng lạc, thái độ bàng quan trước vận mệnh của đất nước. Đó không chỉ là thờ ơ nông cạn mà còn là vong ân bội nghĩa vô trách nhiệm với vận mệnh quốc gia. Sự ham chơi hưởng lạc không chỉ là một vấn đề nhân cách mà còn là sự táng tận lương tâm khi vận mệnh đất nước đang ngàn cân treo sợi tóc. Vừa chỉ ra những việc đúng nên làm, đó là nêu cao tinh thần cảnh giác chăm lo luyện tập võ nghệ. Lời phê phán như một lời thức tỉnh cho các tướng sĩ ham chơi bời hưởng lạc để thay đổi cách sống đó.

- Cùng với việc phê phán thái độ, hành động sai của họ, ông còn chỉ cho họ thấy những việc đúng nên làm là tinh thần cảnh giác, chăm lo luyện tập võ nghiệp “Nên nhớ câu "đặt .. răn sợ"- biết lo xa. Huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên → tăng cường võ nghệ.

Có thể bêu đầu, làm rữa thịt ... → chống được ngoại xâm. Chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền ... mà tên họ các người cũng sử sách lưu thơm” Những lời khuyên đó làm cho tướng sĩ thức tỉnh, để thắng kẻ thù, giữ vững nước nhà.

- Phần cuối của bài hịch, ông lại một lần nữa vạch rõ ranh giới giữa 2 con đường: chính và tà, sống và chết để thuyết phục tướng sĩ. Đó là thái độ rất dứt khoát hoặc là địch hoặc là ta. Ông kêu gọi tướng sĩ học tập Binh thư bằng cách chỉ rõ 2 con đường chính và tà, sống và chết → động viên ý chí quyết tâm chiến đấu của mọi người một cách cao nhất.

* Kết bài

- Bài Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, thể hiện lòng căm thù giặc sâu sắc, ý chí quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược. Đây là một áng văn chính luận xuất sắc, có sự kết hợp giữa lập luận chặt chẽ, sắc bén với lời văn thống thiết có sức lôi cuốn mạnh mẽ.

Đề bài 2: Bao trùm lên đoạn trích là tâm lòng băn khoăn, lo lắng đối với vận mệnh đất nước. Hãy viết bài giới thiệu về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm và làm sáng tỏ nội dung nhận xét đã nêu.

Gợi ý:

– Bài viết này kết hợp cả văn giới thiệu (thuyết minh) và văn nghị luận (chứng minh). Thuyết minh về tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, về văn nghị luận, cần làm sáng tỏ nội dung bao trùm lên đoạn trích là tâm lòng băn khoăn, lo lắng đối với vận mệnh đất nước

a. Nêu được tác giả bài văn này là Trần Quốc Tuấn (1231 ? – 1300) – người đã được vua Trần giao cho làm thống lĩnh quân đội, đã lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên thắng lợi vẻ vang. Người nổi tiếng là biết trọng kẻ sĩ, thu phục nhân tài. Trần Quốc Tuấn là người anh hùng dân tộc, nhà quân sự thiên tài.

b. Nêu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm : Đoạn trích trên được trích từ tác phẩm Hịch tướng sĩ, do Trần Quốc Tuấn viết. Sau khi soạn thảo cuốn Binh thư yếu lược, Trần Quốc Tuấn viết bài hịch này để khích lệ tướng sĩ học tập cuốn binh thư đó.

c. Về nội dung nhận xét cần làm sáng tỏ, cần nêu được các ý sau :

– Băn khoăn trước tình trạng tướng sĩ không biết lo lắng cho tương lai đất nước.

+ Không thấy lo, thấy thẹn khi nhà vua và đất nước bị kẻ thù làm nhục.

+ Chỉ biết vui thú tiêu khiển, lo làm giàu, ham săn bắn, thích rượu ngon, mê tiếng hát,...

– Lo lắng cho vận mệnh đất nước.

+ Đặt ra tình huống : nếu có giặc Mông Thát tràn sang...

+ Chỉ ra nguy cơ thất bại : “Cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc [...] ta cùng các người sẽ bị bắt”.

+ Tô rõ nỗi lòng đau đớn trước tình trạng đó : “Đau xót biết chừng nào !”.

ÔN TẬP VĂN BẢN: CHIẾU DỜI ĐÔ(LÍ CÔNG UẨN)

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1, Tác giả: Lí Công Uẩn, tức Lí Thái Tổ (974-1028) là người thông minh, nhân ái, có chí lớn và lập được nhiều chiến công. Năm 1009, Lê Ngô Triều chết, ông được tôn lên làm vua, mở đầu cho vương triều nhà Lí.

2, Văn bản

a. Hoàn cảnh sáng tác: Bài Chiếu ra đời năm 1010, để bày tỏ ý định rời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La.

b. Thể loại: Kiểu VB: nghị luận

Vì: nó được viết bằng phương thức lập luận để trình bày và thuyết phục người nghe theo tư tưởng dời đô của tác giả

c. Bố cục:

- 3 phần:

+ Phần 1: Từ đầu...phồn thịnh (những tiền đề của việc dời đô)

+ Phần 2: Tiếp...dời đô (cơ sở lịch sử, thực tiễn của việc dời đô)

+ Phần 2: Còn lại (thành Đại La là nơi đất tốt nhất để định đô).

d, Giá trị nghệ thuật:

- Kết cấu chặt chẽ

- Cách lập luận giàu sức thuyết phục

- Sử dụng những câu văn biền ngẫu, giàu hình ảnh, giàu tính biểu cảm

e. Giá trị nội dung: Bài chiếu thể hiện khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập.

II, LUYỆN TẬP

A, DẠNG ĐỀ DỌC HIỂU

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi sau:

“ Xưa nhà Thương đến vua Bàn Canh năm lần dời đô.....dời

đổi.”

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Của ai? Nêu một vài hiểu biết của em về tác giả đó?

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn trích trên?

Câu 3: Tác giả đã viện dẫn sử sách của Trung quốc nói về việc các vua đời xưa bên Trung Quốc cũng từng có những cuộc dời đô để nhằm mục đích gì?

Câu 4: Câu “ *Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi*” câu đó thuộc kiểu câu nào? Tác dụng?

+ Câu cảm thán dùng để bộc lộ cảm xúc.

➔ Câu văn thể hiện quyết tâm dời đô của nhà vua đã xác định là để tránh như 2 triều đại trước. “ *Trẫm rất....đổi*” là giải bày tình cảm nhưng cũng ngầm 1 ý chí quyết tâm không gì cưỡng nổi vì hợp với mệnh trời “ không thể không dời đổi”- phủ định 1 điều phủ định là sự khẳng định. Đó là chân lí của tư duy. Câu văn vừa có lí vừa có tình tác động tới tình cảm của người đọc.

Gợi ý:

Câu 1:

- Đoạn văn trên trích trong tác phẩm “Chiếu dời đô” của Lý Công Uẩn.
- Vị vua sáng lập ra vương triều Lí, có sáng kiến quan trọng : Năm 1010, rời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra Đại La (HN ngày nay), đổi tên nước từ Đại Cồ Việt thành Đại Việt, mở ra thời kì phát triển mới cho đất nước.

Câu 2: Dời đô là điều thường xuyên xảy ra trong LS các triều đại

Câu 3: Chiếu dời đô, Lí Công Uẩn viện dẫn sử sách Trung Quốc nói về việc các vua đời xưa bên Trung Quốc:

+ Nhà Thương đến vua Bàn Canh năm lần dời đô.

+ Nhà Chu ba lần dời đô.

→ Các triều đại lớn trước đó dời đô nhằm mục tích mưu toan nghiệp lớn, xây dựng vương triều thịnh vượng, mở tương lai lâu bền cho thế hệ sau.

- Kết quả các cuộc dời đô mang lại sự bền vững, hưng thịnh cho quốc gia.

→ Lý Thái Tổ dẫn ra dẫn chứng cụ thể về triều đại Thương Chu để làm cứ liệu khẳng định việc ông dời đô là điều tất yếu hợp đạo lý.

Câu 4:

+ Câu cảm thán dùng để bộc lộ cảm xúc.

-> Câu văn thể hiện quyết tâm dời đô của nhà vua đã xác định là để tránh như 2 triều đại trước. “ *Trẫm rất....đổi*” là giải bày tình cảm nhưng cũng ngầm 1 ý chí quyết tâm không gì cưỡng nổi vì hợp với mệnh trời “ không thể không dời đổi”- phủ định 1 điều phủ định là sự khẳng định. Đó là chân lí của tư duy. Câu văn vừa có lí vừa có tình tác động tới tình cảm của người đọc.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Huống gì thành Đại La ... cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời”

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Của ai?

Câu 2: Tác phẩm chứa đoạn trích trên thuộc thể loại gì? Nêu những hiểu biết của em về thể loại đó

Câu 3: Nêu nội dung phương thức biểu đạt của đoạn văn trên?

Câu 4: Hãy giải thích thể nào là “thắng địa”?

Câu 5: Câu “thật là chốn hội trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời” thuộc kiểu câu gì? Thực hiện hành động nói nào?

Câu 6: Viết một đoạn văn từ năm đến bảy câu làm sáng tỏ luận điểm “Đại La là thắng địa xứng là kinh đô của đế vương muôn đời”

Gợi ý

Gợi ý

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong tác phẩm “Chiếu dời đô” của Lý Công Uẩn

Câu 2: Tác phẩm chứa đoạn trích trên thuộc thể loại chiếu

Câu 3: Hiểu biết: “Chiếu” là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh. Chiếu có thể viết bằng văn vần, văn biền ngẫu hoặc văn xuôi; được công bố và đón nhận một cách trang trọng

Câu 4:

- Phương thức biểu đạt là nghị luận
- Nội dung: thành Đại La xứng đáng là kinh đô mới

Câu 5: Thắng địa: Chỗ đất có phong cảnh và địa thế đẹp

Câu 6: Câu trên thuộc kiểu câu: trần thuật

Thực hiện hành động nói: hành động trình bày

Câu 7: Gợi ý:

- **Câu mở đoạn:** Đại La là thắng địa xứng là kinh đô của đế vương muôn đời.
- **Các câu khai triển:**
 - Về lịch sử: Từng là kinh đô cũ
 - Về vị trí: Vị trí trung tâm, đúng ngôi Nam – Bắc – Đông – Tây, tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa hình cao mà thoáng đãng
 - Về văn hóa, chính trị kinh tế: là mảnh đất thịnh vượng, là đầu mối giao lưu của đất nước ta
- * **Câu kết đoạn:** Xét về mọi mặt, thành Đại La xứng đáng là trung tâm văn hóa – chính trị - kinh tế của đất nước.

****Đoạn văn tham khảo:**

Đại La là thắng địa, xứng là kinh đô của đế vương muôn đời. Trước hết, về mặt lịch sử, thành Đại La từng là kinh đô cũ của Cao Vương. Xét về mặt vị trí thành Đại La nằm ở vị trí trung tâm đã đúng ngôi Nam Bắc đông Tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Ngoài ra địa thế cao mà thoáng, dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt, muôn vật phong phú tốt tươi. Về văn hóa, chính trị, kinh tế thì thành Đại La là mảnh đất thịnh vượng, là đầu mối giao lưu của đất nước ta. Tóm lại, xét về mọi mặt, thành Đại La xứng đáng là trung tâm văn hóa – chính trị - kinh tế của đất nước.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Xưa nay, thủ đô luôn là trung tâm về văn hóa, chính trị của một đất nước. Nhìn vào thủ đô là nhìn vào sự suy thịnh của một dân tộc thủ đô có ý nghĩa rất lớn việc rời đô, lập đô là một vấn đề trọng đại quyết định nhân

nào tới sự phát triển tương lai đất nước. Muốn chọn vùng đất để định đô, việc đầu tiên là phải tìm một nơi “trung tâm của trời đất”, một nơi có thể “rộng cuộn hổ ngồi”. Nơi đây không phải là miền Hoa Lư chật hẹp mà là nơi “điện thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng”. Thật cảm động một vị vua anh minh khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt đã rất quan tâm tới nhân dân. Tìm chốn lặt đô cũng vì dân, mong cho dân được hạnh phúc. Chính vì thế nhà vua mới bày tỏ ý muốn “Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?”

Câu 1: Đoạn trích trên gợi cho em nhớ đến văn bản nào? Cho biết tác giả và thời điểm ra đời của của tác phẩm đó tác phẩm

Câu 2: Tác phẩm được đề cập đến trong đoạn trích trên ra đời có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Đại Việt lúc bấy giờ

Câu 3:

a) Xác định kiểu câu của hai câu sau:

(1) Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. (2) Các khanh nghĩ thế nào?

b) Mỗi câu trên thực hiện hành động nói nào?

Câu 4: Viết một đoạn văn khoảng 10 câu trình bày cảm nghĩ của em về tác giả, người được nhận định là “Một vị vua anh minh khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt đã rất quan tâm tới nhân dân”

Gợi ý:

Câu 1: Đoạn trích trên gợi cho em nhớ đến văn bản “Chiếu Dời Đô” của Lý Công Uan

Thời điểm ra đời là năm Canh Tuất niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1010)

Câu 2: ý nghĩa rất quan trọng:

- Phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập thống nhất
- Phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh

Câu 3:

Câu (1) là câu trần thuật-> dùng để trình bày

Câu (2) là câu nghi vấn -> dùng để hỏi

Câu 4:

- **Câu mở đoạn:** Qua văn bản Chiếu Dời Đô em thấy Lý Công Uẩn là một vị vua anh minh khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt đã rất quan tâm tới nhân dân.
- **Câu thân đoạn:** Lý Công Uẩn đã đưa ra quyết định dời đô vì muốn xây dựng một đất nước lớn mạnh, lâu bền, nhân dân được ấm no hạnh phúc. Việc dời đô Thăng Long là một bước ngoặt lớn, đánh dấu sự trưởng thành của dân tộc Đại Việt. Ông đưa ra bằng chứng trong lịch sử về việc dời đô của hai triều Thương, Chu với những kết quả tốt đẹp, nhất nước thịnh vượng. Bên cạnh đó, Ông còn phê phán hay chiều đình, Lê không chịu dời đổi kinh đô khiến vận nước ngăn ngủi trăm họ hao tổn. Lý Công Uẩn yêu nước đã sáng suốt lựa chọn được nơi thuận tiện nhất để đóng đô. Từ đó nhằm xây dựng một kinh đô hùng hoàng, tươi đẹp. Tiếp đó, Ông thuyết phục quần thần chọn Đại La làm kinh đô với lý do Đây là nơi trung tâm của trái đất vị trí thuận lợi, chỉ nơi này là thắng địa.

* **Câu kết đoạn:** Tóm lại, Lý Công Uẩn không chỉ là một ông vua yêu nước mà còn là một ông vua có khát vọng lớn lao muốn xây dựng một đất nước giàu mạnh.

B, DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN

Đề 1: Dựa vào các văn bản Chiếu dời đô và Hịch tướng sĩ, hãy nêu suy nghĩ của em về vai trò của những người lãnh đạo anh minh như Lý Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn đối với vận mệnh dân tộc.

Dàn ý:

1, Mở bài: Dẫn dắt, nêu vấn đề nghị luận

2. Thân bài:

a) Luận điểm 1: Phân tích sự lãnh đạo anh minh của Lý Công Uẩn qua văn bản “ Chiếu dời đô”

- Khi Lý Công Uẩn mới được triều đình tôn lên làm hoàng đế, ông đã bày tỏ ý định dời đô từ Hoa Lư(Ninh Bình) ra thành Đại La. Đó phải là quyết định của một con người có đầu óc ưu tú nhất thời đại.
- Bài chiếu có sức thuyết phục mạnh mẽ vì nó nói đúng ý nguyện của nhân dân có sự kết hợp hài hòa giữa lí và tình.

- Trong bài chiếu nhà vua giải thích lí do tại sao phải dời đô. Với một lí lẽ ngắn gọn nhưng sắc sảo cùng với những dẫn chứng đầy sức thuyết phục nhà vua đã khẳng định: việc dời đô không phải là hành động, là ý chí của một cá nhân mà nó thể hiện xu thế tất yếu của lịch sử.

- Dời đô ra Thăng Long là một bước ngoặt lớn. Nó đánh dấu sự trưởng thành của dân tộc Đại Việt. Có thể nói với trí tuệ anh minh và lòng nhân hậu tuyệt vời, nhà vua Lí Công Uẩn đã lí giải ý định dời đô của mình một cách đầy thuyết phục. Thực tế đã chứng minh rằng việc dời đô của Lí Công Uẩn là đúng đắn. Thành Thăng Long ngày nay đã trường tồn với thời gian và đã kỉ niệm một nghìn năm tuổi.

Luận điểm 2: Phân tích “ Hịch tướng sĩ” để thấy được Trần Quốc Tuấn sống mãi với tư cách là một vị thống soái hết lòng vì nước, vì dân.

- Trần Quốc Tuấn là người bề gãy ý đồ xâm lược hung hăng của đế quốc Nguyên- Mông.

- Trước nạn ngoại xâm đe dọa đất nước đang ở tình thế lâm nguy. Trần Quốc Tuấn không phải lo lắng đến độ quên ăn, mất ngủ, xót xa như đứt từng khúc ruột. Không chỉ căm thù giặc Trần Quốc Tuấn còn nguyện hi sinh thân mình cho sự nghiệp đánh đuổi ngoại xâm giành độc lập cho dân tộc.

- Ông luôn quan tâm chia sẻ, xem binh sĩ như người anh em khi xông pha trận mạc cũng như khi thái bình..

- Những lời giáo huấn của ông thật ý nghĩa. Nó đã thức tỉnh biết bao binh lính lầm đường lạc lối trở về với con đường đúng đắn. Và hơn hết ông chỉ ra những việc cần làm đó là đề cao cảnh giác, chăm chỉ học theo binh thư yêu lược để rèn luyện và chiến đấu với quân thù.

Luận điểm 3: Vai trò của người lãnh đạo anh minh như Lí Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn đối với vận mệnh đất nước.

+ Những phẩm chất đáng quý của những người lãnh đạo anh minh.

- Họ là những người có lòng yêu nước thiết tha, lòng căm thù giặc sâu sắc.

- Họ sống có lí tưởng cao đẹp và có hành động thực tế để thực hiện lí tưởng sống của mình.

- Những người lãnh đạo anh minh đều có tầm nhìn xa trông rộng.

- Họ là những người luôn nghĩ đến tương lai của đất nước, đến cuộc sống bình yên của nhân dân.

- Họ khát khao một đất nước độc lập, thống nhất.

+ Vai trò của họ đối với vận mệnh của đất nước.

- Họ là linh hồn của dân tộc, của cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm.

- Họ là người cầm lái vững vàng đưa con thuyền dân tộc đến bến bờ hạnh phúc , tương lai.

3. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề đã phân tích.

**** Bài viết tham khảo:**

Lịch sử bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam luôn gắn liền với tên tuổi của những anh hùng dân tộc vĩ đại. Qua hai văn bản “Chiếu dời đô” của Lí Công Uẩn và văn bản “Hịch tướng sĩ”, chúng ta thấy sáng ngời nhân cách và hành động vì nước vì dân của thể hệ anh hùng. Qua đó, chúng ta càng thấy hiểu vai trò của người lãnh đạo anh minh có ý nghĩa vô cùng to lớn trong trường kì phát triển của dân tộc.

Lí Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn là những vị tướng luôn được lưu danh sử sách. Bởi vì bên cạnh đầu óc sáng suốt là cả một trái tim yêu nước thương dân.

“Chiếu dời đô” của Lí Công Uẩn viết năm 1010 là sự bày tỏ ý định dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra thành Đại La khi ông mới được triều đình tôn lên làm hoàng đế. Đó phải là quyết định của một con người có đầu óc ưu tú nhất thời đại. Bài chiếu có sức thuyết phục mạnh mẽ vì nó nói đúng ý nguyện của nhân dân có sự kết hợp hài hòa giữa lí và tình. Trong bài chiếu nhà vua giải thích lí do tại sao phải dời đô. Với một lí lẽ ngắn gọn nhưng sắc sảo cùng với những dẫn chứng đầy sức thuyết phục nhà vua đã khẳng định: việc dời đô không phải là hành động, là ý chí của một cá nhân mà nó thể hiện xu thế tất yếu của lịch sử. Lí Công Uẩn đã hiểu được khát vọng của nhân dân, khát vọng của lịch sử. Đại Việt là một nước độc lập. Tất cả nhân dân phải có ý chí tự cường để xây dựng nước Đại Việt thành quốc gia thống nhất, hùng mạnh.. Muốn vậy phải tìm nơi lí tưởng để lập đô. Đó chắc chắn không phải là đất chật hẹp, núi non hiểm trở mà phải là Đại La- nơi trung tâm trời đất, kinh đô của các bậc đế vương muôn đời. Dời đô ra Thăng Long là một bước ngoặt lớn. Nó đánh dấu sự trưởng thành của dân tộc Đại Việt. Có thể nói với trí tuệ anh minh và lòng nhân hậu tuyệt vời nhà vua Lí Công Uẩn đã lí giải ý định dời đô của mình một cách đầy thuyết phục. Thực tế đã chứng minh rằng việc dời đô của Lí Công Uẩn là đúng đắn. Thành Thăng Long ngày nay đã trường tồn cùng với thời gian và đã kỉ niệm một nghìn năm tuổi.

Nhà vua không những thuyết phục bằng lí lẽ mà còn thuyết phục bằng tình cảm. Ta bắt gặp ở đây một giọng nói đầy nhân từ, tâm huyết, một tấm lòng lo cho dân, cho nước hết mực. Trải qua bao thăng trầm nhân cách tài năng của Lí Công Uẩn- một vị vua anh minh vĩ đại vẫn được nhân dân cả nước kính phục.

Nếu Lí Công Uẩn được lưu danh, một vị vua anh minh nhân hậu thì Trần Quốc Tuấn sống mãi với tư cách là một vị thống soái hết lòng vì nước vì dân.

Trần Quốc Tuấn là người bẻ gãy ý đồ xâm lược hung hăng của đế quốc Nguyên- Mông. Trước nạn ngoại xâm đe dọa đất nước đang ở tình thế lâm nguy. Trần Quốc Tuấn không phải lo lắng đến độ quên ăn, mất ngủ, xót xa như đứt từng khúc ruột. Không chỉ căm thù giặc Trần Quốc Tuấn còn nguyện hi sinh thân mình cho sự nghiệp đánh đuổi ngoại xâm giành độc lập cho dân tộc. “ Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng”. Qua đó Trần Quốc Tuấn quả là người yêu nước thương dân, một tấm gương anh minh hi sinh hết mình vì nước vì dân, là tấm gương cho dân chúng noi theo.

Một vị tướng tài ba, ngoài lòng yêu nước còn phải biết thương yêu dạy bảo và chỉ rõ đúng sai cho binh sĩ. Trần Quốc Tuấn đã hội tụ đủ các yếu tố đó. Ông luôn quan tâm chia sẻ, xem binh sĩ như người anh em khi xông pha trận mạc cũng như khi thái bình.. Nhưng yêu thương, lo lắng cho binh sĩ không đơn thuần chỉ là những lời khuyên nhủ nhẹ nhàng mà còn là những lời bảo ban nghiêm khắc, phê phán quyết liệt những việc làm, thái độ sai trái của họ: thờ ơ, bàng quan khi vận mệnh đất nước lâm nguy. Những lời giáo huấn của ông thật ý nghĩa. Nó đã thức tỉnh biết bao binh lính lầm đường lạc lối trở về với con đường đúng đắn. Và hơn hết ông chỉ ra những việc cần làm đó là đề cao cảnh giác, chăm chỉ học theo binh thư yếu lược để rèn luyện và chiến đấu với quân thù.

Qua hai văn bản ta thấy được những phẩm chất đáng quý của những người lãnh đạo anh minh. Họ là những người có lòng yêu nước thiết tha, lòng căm thù giặc sâu sắc. Họ sống có lí tưởng cao đẹp và có hành động thực tế để thực hiện lí tưởng sống của mình. Những người lãnh đạo anh minh đều có tầm nhìn xa trông rộng. Họ là những người luôn nghĩ đến tương lai của đất nước, đến cuộc sống bình yên của nhân dân. Họ khát khao một đất nước độc lập, thống nhất. Vai trò của họ đối với vận mệnh của đất nước vô cùng to lớn. Họ là linh hồn

của dân tộc, của cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Họ là người cầm lái vững vàng đưa con thuyền dân tộc đến bến bờ hạnh phúc, tương lai.

Tóm lại, những bậc hiền tài anh minh của dân tộc có vai trò quan trọng trong những thời điểm lịch sử trọng đại của đất nước. Chính nhờ có những vị lãnh đạo anh minh tuyệt vời như thế mà đất nước ta mới giành độc lập, nhân dân ta mới được tự do hạnh phúc.

ÔN TẬP VĂN BẢN: ĐI BỘ NGAO DU(RÚT- XÔ)

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả Ru-xô

- Ru-xô (1712-1778) tên khai sinh là Jean-Jacques Rousseau
- Quê quán: Nhà văn người Pháp
- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:
 - + Ông là nhà văn, nhà triết học, nhà hoạt động cách mạng xã hội Pháp
 - + Ông là tác giả của nhiều tiểu thuyết nổi tiếng như Giuy-li, Nàng Hê-lô-i-dơ mới, Ê-min hay về giáo dục...

2. Văn bản

a. Hoàn cảnh sáng tác

- Văn bản trích trong quyển V - quyển cuối cùng của tác phẩm Ê-min hay Về giáo dục, xuất bản năm 1762, bài viết bày tỏ quan điểm muốn ngao du học hỏi cần phải đi bộ

b. Bố cục

- **Đoạn 1:** Khổ 1: Đi bộ ngao du rất thoải mái, được tự do thưởng ngoạn
- **Đoạn 2:** Khổ 2: Đi bộ ngao du trau dồi kiến thức, tăng sự hiểu biết về thiên nhiên, cuộc đời
- **Đoạn 3:** Khổ 3: Đi bộ ngao du rèn luyện sức khỏe, tinh thần cho con người

c. Phương thức biểu đạt: Nghị luận**d. Giá trị nội dung**

- Văn bản là minh chứng cho những tác dụng mà đi bộ mang lại cho con người, muốn ngao du cần phải đi bộ. Qua đó, thể hiện Ru-xô là một con người giản dị, quý trọng tự do và yêu thiên nhiên.

e. Giá trị nghệ thuật

- Văn bản có cách lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục, lí lẽ và dẫn chứng sinh động.

II, CÁC DẠNG BÀI TẬP**A, DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU****PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi: “Tôi chỉ quan niệm được một cách đi ngao du thú vị hơn đi ngựa.....đôi bàn chân nghỉ ngơi.”

Câu 1: Nêu nội dung chính của đoạn trích trên?

Câu 2: Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?

Câu 3: Tác giả đưa ra những lợi ích gì của việc đi bộ ngao du trong đoạn trích trên?

Câu 4: Đoạn văn : “ Nếu tôi mệt...Nhưng Ê-min có mệt gì lắm đâu; em to khỏe; và sao em lại mệt được cơ chứ? Em chẳng hề vội vã. Nếu em dừng lại làm sao em có thể chán được? Ở chốn nào em cũng có những thứ để giải trí. Em vào nhà một người thợ, em làm việc; em vận động hai cánh tay để cho đôi bàn chân nghỉ ngơi” đã sử dụng kiểu câu gì các em đã học và nêu tác dụng?

Câu 5: Trong văn bản Đi bộ ngao du, có khi tác giả sử dụng đại từ nhân xưng “ta” nhưng cũng có khi lại là “tôi”. Theo em, sự thay đổi này có tác dụng gì?

Câu 6 : Hãy trình bày cảm nhận của em về đoạn trích trên?

Gợi ý:

Câu 1: Nêu nội dung chính của đoạn trích: Đi bộ ngao du được tự do thường ngoạn.

Câu 2: Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?

- Phương thức biểu đạt: Nghị luận

Câu 3: Tác giả đưa ra những lợi ích gì của việc đi bộ ngao du trong đoạn trích trên?

- Lợi ích của đi bộ ngao du.
- + Người đi được hoàn toàn tự do.
- + Những điều thú vị của người ngao du: Đi bộ ...
- Ưu lúc nào thì đi, thích dừng lúc nào thì dừng.
- Quan sát khắp nơi, xem xét tất cả (dòng sông, khu rừng, hang động, mỏ khoáng sản ...).
- Chẳng phụ thuộc vào ngựa hay gã phụ trạm.

Câu 4: Sử dụng kiểu câu nghi vấn (câu hỏi tu từ) dùng để bộc lộ cảm xúc.

Câu 5: Trong văn bản *Đi bộ ngao du*, tác giả đã sử dụng các đại từ nhân xưng: ta, tôi

- Khi tác giả sử dụng đại từ nhân xưng ta thể hiện quan điểm chung của tất cả mọi người đó là “ta ưa đi lúc nào thì đi, ta thích dừng lúc nào thì dừng, ta muốn hoạt động nhiều ít thế nào là tùy”. Qua cách xưng này, Ru-xô muốn khẳng định đi bộ ngao du phù hợp với tất cả mọi người.

- Với cách xưng đại từ “tôi”, tác giả muốn đưa ra những chiêm nghiệm của bản thân mình trong cuộc sống để đưa ra những ý kiến thuyết phục mọi người. Điều này làm cho văn bản trở nên sinh động, giàu sức thuyết phục.

Sự thay đổi cách sử dụng đại từ nhân xưng làm tác phẩm giàu sức thuyết phục và có tính linh hoạt, biểu cảm cao.

Câu 6 : Hãy trình bày cảm nhận của em về đoạn trích trên?

**** Câu mở đoạn:** Đoạn trích trên trích trong văn bản “ Đi bộ ngao du” của Ru-xô đã thể thể hiện lợi ích của đi bộ ngao du được tự do thưởng ngoạn.

**** Thân đoạn:**

- Thế “Đi bộ ngao du” là gì ?, đi bộ ngao du là thông qua việc đi bộ ta có thể dạo chơi khắp đây đó, chu du mà ta không bị lệ thuộc vào thời gian hay bất cứ thứ gì. Như tác giả đã nói “đi bộ ngao du thú vị hơn đi xe vì đi bộ rất thoải mái và chủ động, ta có thể đi hay dừng lại tùy thích, có thể quay sang

phải, sang trái để quan sát khắp nơi hay ta có thể tìm đến một phong cảnh, cảnh vật lạ đó đây như: một dòng sông, một khu rừng rậm, một mỏ đá..... đến đâu ta ưa thích thì lưu lại đấy, còn lúc nào thấy chán ta bỏ đi”. Thật đúng thế vì khi đi bộ bằng cách ngao du ta có đc sự chủ động cho bản thân sự tự do ngoài ra nó còn giúp ta có thể tìm tòi, học hỏi thêm nhiều điều mới lạ. Như ông bà ta thường nói rằng: “đi một đàng học một sàng khôn” quả thật không sai vì trong cuộc sống ở thế giới bao la, rộng lớn này có nhiều điều chúng ta chưa hề hay biết. Những kiến thức đơn giản thì luôn hiện hữu xung quanh chúng ta còn những điều mới lạ, hấp dẫn thì lại ẩn chứa bên trong cuộc sống này chính vì thế để có đc những kiến thức đó ta phải biết tìm hiểu, học hỏi và khám phá qua những chặng đường mà ta ngao du qua. Từ đó ta cũng trau dồi sức khoẻ cho bản thân thông qua việc đi bộ mà vừa có thêm nhiều kiến thức bổ ích trong đời sống.

- Nhưng theo tác giả có nói là: “điều đặc biệt nhất trong việc đi bộ ngao du là chẳng phải phụ thuộc vào điều gì cả” thật đúng thế, vì khi đi bộ ngao du ta chẳng phụ thuộc vào loại phương tiện vận chuyển nào, lại có thể đi con đường riêng mà ta thích, đi nhanh hay đi chậm là ý thích của ta. Có được sự tự do, sự tự chủ: ta chủ động được cuộc sống, không bị gò bó hay đóng vào một khuôn khổ nhất định như sẽ bị trễ giờ khởi hành hay lỡ mất chuyến xe bus, ta phá vỡ lối mòn và khuôn khổ ta tạo lối đi riêng cho chính mình, ta là chính ta, chẳng hề vội vã. Tuy nhiên điều mà có thể giới hạn ta lại chính là sức khoẻ, sức khoẻ là rào cản lớn nhất giữa ta và sự đi bộ ngao du nếu không có sức khoẻ thì ta cũng chẳng làm được việc gì cả vì thế hãy luôn rèn luyện sức khoẻ và dẻo dai và tinh thần cường tráng để hưởng thụ được sự “tự do” đích thực khi đi bộ ngao du nhé !!!

**** Kết đoạn:** Tóm lại, qua đoạn trích tác giả đã đề cao vai trò của việc đi bộ ngao du.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi: “ Đi bộ ngao du là đi như Ta- lét, Pla – tông..... ..tốt hơn.”

Câu 1: Nêu nội dung chính của đoạn văn?

Câu 2: Tác giả thu nhận được những kiến thức gì khi đi bộ ?

Câu 3: Lời văn của tác giả có sự thay đổi ntn?

Câu 4: Qua đoạn văn này tác giả muốn gửi gắm đến người đọc điều gì?

Câu 5: Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về đoạn trích trên?

Gợi ý:

Câu 1: Nội dung chính của đoạn văn: Đi bộ ngao du rất có ích, vì quan sát, học tập được nhiều kiến thức trong thế giới tự nhiên bao la.

Câu 2: Tác giả thu nhận được những kiến thức gì khi đi bộ ?

+ Đi như các nhà triết học lừng danh: Ta-lét, Pla-tông, Pi-ta-go.

+ Xem xét tài nguyên phong phú trên mặt đất.

+ Tìm hiểu các sản vật nông nghiệp và cách trồng trọt.

+ Suu tập những mẫu vật phong phú, đa dạng.

Câu 3: Lời văn của tác giả có sự thay đổi:

+ Khi nêu cảm xúc: Tôi khó lòng hiểu nổi.

+ Khi nêu câu hỏi tu từ: Ai là người....mà lại có thể

+ Hoặc lại nói về KQ suu tập tự nhiên học của chú học trò Ê-min.

Câu 4: Qua đoạn văn này tác giả muốn gửi gắm đến người đọc: Con người cần phải hòa nhập vào môi trường tự nhiên để có kiến thức thức tế.

Câu 5:

**** Câu mở đoạn:** Đoạn trích trên trích trong văn bản “ Đi bộ ngao du” của Ru-xô đã thể hiện được được đi bộ ngao du rất có ích, vì quan sát, học tập được nhiều kiến thức trong thế giới tự nhiên bao la.

**** Thân đoạn:**

- Đi bộ ngao du là để quan sát, tìm tòi, phát hiện như Ta-let, Pla-tông và Pi-ta-go, những nhà triết học, toán học vĩ đại của Hy Lạp thời cổ đại.
- Đi bộ ngao du là để xem xét những tài nguyên, là để biết các đặc sản nông nghiệp và cách thức trồng trọt những đặc sản ấy. Là để phát triển hứng thú với tự nhiên học: xem xét một khoảnh đất mà mình đi qua, ghè một vài mẫu của len đá, suu tập hoa lá, những hòn sỏi, các hóa thạch của những quả núi.
- Ru-xô so sánh một cách hóm hỉnh để làm nổi bật lí lẽ của mình: phòng suu tập của “những triết gia phòng khách” thì có đủ "các thử linh tinh" vì họ “chỉ biết gọi tên” nhưng “chẳng có một ý niệm gì về tự nhiên cả”. Trái lại, phòng suu tập của Ê-min là phòng suu tập “cả trái đất “phong phú hơn các

phòng sưu tập của vua chúa có thể so sánh với các công trình của Đô-băng-tông (1716 - 1800), nhà tự nhiên học lừng danh của nước Pháp.

- Qua đó, Ru-xô đã đề cao con người tự nhiên; ông chỉ rõ phải đưa con người vào trong môi trường tự nhiên để mở mang kiến thức, phát triển nhân cách. Giáo dục không được thoát li tự nhiên, nếu không sẽ trở thành viễn vông, vô nghĩa. Tư tưởng ấy, quan điểm ấy rất tiên bộ, đến nay vẫn có nhiều ý nghĩa.

**** Kết đoạn:** Tóm lại, qua đoạn trích tác giả đã đề cao vai trò của việc đi bộ ngao du.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Biết bao hứng thú khác nhau ta tập hợp được nhờ cách ngao du thú vị ấy, không kể sức khỏe được tăng cường, tinh khí trở nên vui vẻ. Tôi thường thấy những kẻ ngồi trong các cỗ xe tốt chạy rất êm nhưng mơ màng, buồn bã, cúi kinh hoặc đau khổ ; còn những người đi bộ lại luôn luôn vui vẻ, khoan khoái và hài lòng với tất cả. Ta hân hoan biết bao khi về gần đến nhà ! Một bữa cơm đạm bạc mà sao có vẻ ngon lành thế ! Ta thích thú biết bao khi lại ngồi vào bàn ăn ! Ta ngủ ngon giấc biết bao trong một cái giường tồi tàn ! Khi ta chỉ muốn đến một nơi nào, ta có thể phóng bằng xe ngựa trạm ; nhưng khi ta muốn ngao du, thì cần phải đi bộ.”

Câu 1: Đoạn trích trên trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai ?

Câu 2: Khái quát nội dung chính của đoạn văn trên.

Câu 3: Câu văn " tôi thường thấy những kẻ ngồi trong những cỗ xe tốt, chạy rất êm nhưng mơ màng, buồn bã, cúi kinh hoặc đau khổ còn những người đi bộ lại luôn luôn vui vẻ khoan khoái và hài lòng với tất cả." Câu văn trên sử dụng những nghệ thuật gì? Tác dụng của những biện pháp nghệ thuật ấy trong câu.

Câu 4: Câu “Ta hân hoan biết bao khi về gần đến nhà !” xét về mục đích nói thuộc kiểu câu gì? Vì sao?

Câu 5: Mục đích của câu: “Một bữa cơm đạm bạc mà sao có vẻ ngon lành thế !” là gì? Thực hiện hành động nói trực tiếp hay gián tiếp?

Câu 6: Qua văn bản, em hiểu gì về nhà văn Ru-xô?

Câu 7: Từ cuộc sống thực tiễn của bản thân em, hãy viết đoạn văn nghị luận chứng

minh lợi ích của việc đi bộ.

Gợi ý:

Câu 1: Đoạn trích trên trích từ tác phẩm “Đi bộ ngao du” của tác giả Ru- xô.

Câu 2: Nội dung: Lợi ích của việc đi bộ ngao du.

Câu 3: Câu văn " tôi thường thấy những kẻ ngồi trong những cỗ xe tốt, chạy rất êm nhưng mơ màng, buồn bã, cúi kính hoặc đau khổ còn những người đi bộ lại luôn luôn vui vẻ khoan khoái và hài lòng với tất cả."

- Câu văn trên sử dụng những nghệ thuật:
 - + Liệt kê nhấn mạnh những cảm xúc khác nhau của người đi bộ.
 - + Đối chiếu, tương phản: So sánh hai người để dẫn chứng thuyết phục về khác biệt của việc đi bộ.

Câu 4: Câu “Ta hân hoan biết bao khi về gần đến nhà !” xét về mục đích nói thuộc kiểu câu cảm thán vì:

- Có từ cảm thán(biết bao), dùng để bộc lộ cảm xúc.
- Kết thúc câu có dấu chấm than.

Câu 5: Mục đích của câu: “Một bữa cơm đậm bạc mà sao có vẻ ngon lành thế !” là bộc lộ cảm xúc. Thực hiện hành động nói trực tiếp.

Câu 6: Qua bài văn nghị luận, người đọc có thể tìm thấy bóng dáng nhà văn Ru-xô. Ông là một con người giản dị, quý trọng tự do và yêu mến thiên nhiên.

Câu 7:

- Mở đoạn: Đi bộ là một môn thể thao mang lại rất nhiều lợi ích cho con người.
- Khi đi bộ, ta hoàn toàn được tự do, tùy theo thích của mình, không hề bị lệ thuộc vào bất cứ ai, bất cứ cái gì. Điều chủ động nhất là ta thích đi đâu thì đi, dừng lúc nào thì dừng hay hoạt động nhiều ít thế nào là tùy ở ta. Không những thế, ta có thể quan sát khắp nơi, có thể ngắm những gì mà ta yêu thích: “Quay sang phải, sang trái, ta xem tất cả những gì ta thấy hay hay. Bất cứ đâu ta thích, ta lưu lại đây, lúc nào chán, ta bỏ đi luôn. ” Chính bởi ta hoàn toàn không bị bất cứ thứ gì ràng buộc như con đường, phương tiện hay

bất cứ ai. Thật không thể tin được nếu ta có cơ hội được đi bộ ngao du mà lại không xem xét những tài nguyên mà ta giẫm chân lên, bỏ qua những gì mà trái đất đang phô bày trước mắt một cách phong phú. Một điều chắc chắn là những người có vốn tri thức được trau dồi qua những chuyến ngao du sẽ có cái nhìn gần gũi, sâu rộng hơn về vạn vật xung quanh, hiểu sâu rộng hơn, tường tận hơn về thiên nhiên bao la rộng lớn. Không những thế, đi bộ còn mang lại một lợi ích không kém phần quan trọng và qu giá cho những ai tham gia môn thể thao này đó chính là tăng cường sức khỏe, tinh khí trở nên hoà đồng, vui vẻ hơn. Và đi bộ cũng rất tốt cho những ai có những căn bệnh như tim, mạch, cao huyết áp,... Ngoài ra, đối với phái đẹp, đi bộ còn làm cho dáng vẻ cân đối, thon thả. Đặc biệt, đi bộ còn giúp ta có cảm giác khoan khoái, hài lòng với tất cả, không còn thấy buồn bã, cáu kỉnh. Sau mỗi lần đi bộ, ta ăn cảm thấy ngon miệng hơn, ngủ ngon hơn và sâu giấc hơn. Bên cạnh đó, đi bộ không gây tốn kém lại rất dễ thực hiện, thế nên mọi lứa tuổi đều có thể dễ dàng tham gia môn thể thao này. Cũng chính vì vậy, mặc dù ngày nay có rất nhiều môn thể thao mới xuất hiện, hay và hấp dẫn nhưng đi bộ vẫn được mọi người lựa chọn và yêu thích nhất.

B, DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC.

Đề bài: Phân tích văn bản “Đi bộ ngao du” (Ru-xô)

Dàn ý:

A. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm: “Đi bộ ngao du” trích trong “Ê-min hay Về giáo dục” của nhà văn, triết học, nhà hoạt động xã hội Pháp – Ru-xô
- Khái quát nội dung đoạn trích: Đoạn trích là sự chia sẻ của chính tác giả về cuộc sống với những lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục.

B. Thân bài:

Luận điểm 1: Đi bộ ngao du được tự do thường ngoạn

– Theo tác giả, lợi ích đầu tiên của việc đi bộ ngao du, đó là được đi một cách tự do, theo sở thích của bản thân mình mà không phải lệ thuộc, phụ thuộc vào kì ai, bất kì điều gì.

+ “thích dừng lúc nào thì dừng...muốn hoạt động nhiều ít thế nào là tùy”

+ “quan sát khắp nơi”

+ đi bất cứ đâu mình thích

+ “chẳng phụ thuộc vào những con ngựa hay gã xe trạm...”

⇒ Những dẫn chứng, luận cứ được đưa ra lần lượt, logic, rõ ràng, không rườm rà, lòng vòng.

⇒ Đi bộ ngao du giúp ta có thể thoải mái, tự do điều khiển mọi thứ theo sở thích của mình, tự do thưởng ngoạn bất kì nơi nào ta thấy có hứng thú. Chính điều đó sẽ khiến ta trưởng thành hơn, chín chắn hơn và nhìn mọi thứ xung quanh một cách toàn diện, chủ quan.

Luận điểm 2: Đi bộ ngao du giúp đầu óc linh hoạt hơn, sáng suốt hơn

– Tác giả đưa ra những “nhân chứng” có thật, đó là các nhà khoa học, bác học nổi tiếng như Ta-lét, Pla-tông, Pi-ta-go.

– Một loạt câu hỏi được đặt ra để khẳng định kiến thức thực tế có giá trị hơn nhiều những đồ đạc trưng bày trong một căn phòng kín mà những con người bảo thủ vẫn gọi là “phòng sưu tập”. Qua đó khích lệ mọi người mở mang kiến thức thực tế, tăng cường trải nghiệm, kĩ năng bằng cách đi bộ ngao du.

⇒ Tiếp tục đưa ra những dẫn chứng xác thực, mang tính thuyết phục cao, tác giả một lần nữa khẳng định lợi ích của việc đi bộ ngao du so với học hành trên sách vở giáo điều trong khía cạnh tiếp thu, lĩnh hội tri thức khoa học cuộc sống.

Luận điểm 3: Đi bộ ngao du không chỉ làm con người mở mang đầu óc mà còn giúp tinh thần sảng khoái, vui vẻ.

– Để chứng minh luận điểm này, tác giả đã dùng phép so sánh:

+ những kẻ ngồi trong các cỗ xe tốt >< những người đi bộ, kết quả là “mơ màng, buồn bã, cấu kính hoặc đau khổ” >< “vui vẻ, khoan khoái và hài lòng với tất cả”.

+ Đi bộ ngao du khi trở về nghiêm nhiên mọi thứ tưởng như vô cùng bình thường, giản dị lại khiến ta cảm thấy nhớ thương, thích thú và hài lòng.

– Một loạt các từ ngữ gợi cảm thể hiện tâm trạng của chính tác giả: “hân hoan biết bao”, “ngon lành thế!”, “thích thú biết bao”, “ngủ ngon giấc biết bao”. Tâm trạng của tác giả nhưng lại dùng ngôi kể “ta” vừa thể hiện cái nhìn chủ quan, vừa có ý nghĩa như một lời khuyên, một trải nghiệm đầy thú vị mà “tôi” muốn chia sẻ cho tất cả mọi người.

Luận điểm 4: Nghệ thuật

– Lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục, lí lẽ sinh động kết hợp với thực tiễn kinh nghiệm mà tác giả đã tích lũy được.

– Sự linh hoạt trong ngôi kể, khi “tôi”, khi “ta” càng làm tăng sức thuyết phục cho bài viết.

– Giọng điệu nhẹ nhàng, pha chút hóm hỉnh, không khô khan mà như tâm sự, hồi tưởng.

C. Kết bài:

– Như vậy, qua đoạn trích, chúng ta thấy Ru-xô là một con người giản dị, quý trọng tự do và yêu thiên nhiên.

– Đây là một lối sống đẹp mà chúng ta cần phải học hỏi.

* Bài viết tham khảo(sưu tầm)

Ru-xô là một nhà văn, nhà triết học nổi tiếng người Pháp. Ông có rất nhiều tác phẩm hay làm say mê độc giả trên toàn thế giới, một trong những tác phẩm nổi tiếng của ông mà ta có thể kể tên, đó chính là tác phẩm “Ê- min hay về giáo dục”. Cuốn tiểu thuyết này có nội dung bàn về chuyện giáo dục một em bé tên là Ê- min, nhà văn đã tưởng tượng và đặt tên- từ khi mới sinh ra đời đến tuổi trưởng thành. Trong chương trình giáo dục, chúng ta cũng được học một trích đoạn của tác phẩm này là “Đi bộ ngao du”.

Trong trích đoạn “Đi bộ ngao du”, nhà văn Ru-xô đã chỉ ra lợi ích của việc đi bộ, cũng như những lợi thế của việc đi bộ so với đi ngựa cũng như dùng các phương tiện khác. Trước hết, đi bộ có thể đi mọi nơi mà ta mong muốn, không phải lệ thuộc vào ai, vào phương tiện gì: ” Ta ưa đi lúc nào thì đi, ta thích dừng lúc nào thì dừng, ta muốn hoạt động nhiều hay ít thế nào là tùy”. Như vậy, việc đi bộ khiến cho ta được tự do về con người, được làm theo những ý muốn của mình, đây chính là lợi ích lớn nhất của việc đi bộ ngao du. Và đã là ngao du thì yếu tố chủ động phải được đặt lên hàng đầu, đi ngựa sẽ phải phụ thuộc nhiều vào các yếu tố đường xá, sức khỏe của ngựa, không phải phụ thuộc vào những gã phu trạm.

Đi bộ ngao du thì ta không bị phụ thuộc vào bất cứ thứ gì, bất kì cái gì, ta được tự do về con người, tự do về tâm hồn, làm toàn bộ những việc theo ý thích: ” Ta quan sát khắp nơi; ta quay sang phải, sang trái; ta xem xét tất cả những gì thấy hay hay; ta dừng lại ở tất cả các khía cạnh....” . Và quan trọng nhất là không bị lệ thuộc: “Tôi chẳng phải phụ thuộc vào những con ngựa hay những gã phu trạm. Đi bộ ngao du ta sẽ có cơ hội khám phá những điều mới mẻ, có thể tự tìm cho mình những con đường riêng biệt, điều này rất phù hợp với những con người ưa tìm tòi, thử thách: “Tôi chẳng cần chọn những lối đi có sẵn hay những con đường thuận tiện; tôi đi qua bất cứ nơi nào con người có thể đi qua; tôi xem tất cả những gì con người có thể xem....”

Đi bộ ngao du có thể thỏa sức khám phá, tìm tòi, nhưng một lúc nào đó mệt thì lại có thể dùng ngựa: ” Nếu do thời tiết xấu không đi bộ được và thấy chán rồi, lúc đó tôi đi ngựa” tuy nhiên, đó chỉ là suy nghĩ của tác giả. Còn đối với nhân vật của mình, cậu bé Ê – min thì lại khác, cậu kiên cường hơn, bản lĩnh hơn rất nhiều, nếu mệt em sẽ tìm một thứ gì đó để giải trí, hoặc tìm lấy công việc để tay làm việc còn đôi chân được nghỉ ngơi. Sau khi nghỉ ngơi, đôi chân bớt mỏi mệt thì em lại có thể

tiếp tục chuyển hành trình của mình: “...Ở chốn nào em cũng có thứ để giải trí. Em vào nhà một người thợ làm việc; em vận động hai cánh tay để đôi bàn chân nghỉ ngơi”.

Luận điểm thứ hai mà nhà văn Ru-xô nêu để minh chứng cho quan điểm đi bộ ngao du là sáng suốt, hữu ích. Đó chính là thông qua việc đi bộ thì ta có thể có cơ hội để trau dồi những vốn tri thức vốn vô hạn. Nhà văn nêu ra những dẫn chứng cụ thể, đó là những tấm gương của việc đi bộ ngao du như: Ta – lét, Pla- tông và Pi-ta- go. Họ đều là những nhà toán học, nhà triết học nổi tiếng của thế giới. Thông qua việc đi bộ, họ phát hiện ra nhiều điều lí thú, tiền đề cho những phát minh, những quan điểm vĩ đại. Đi bộ ngao du, vừa là để du ngoạn, thưởng thức cảnh sắc của tự nhiên mà thông qua vùng đất mình đi qua, ta có thể có thêm cho mình những kinh nghiệm, học hỏi thêm được nhiều thứ lí thú, có ích phù hợp với những vấn đề mà mình quan tâm.

Ê- min nhờ vào việc đi bộ mà có những kiến thức sâu rộng, mang về nhiều thứ hay ho trên đường đi để về nhà làm thành một bộ sưu tập : “Nhưng phòng sưu tập của Ê- min thì phong phú hơn phòng làm việc của các vua chúa, phòng sưu tập ấy là cả trái đất. Nơi đây, mỗi vật đều đúng chỗ của nó; nhà tự nhiên học làm công việc chăm sóc đã sắp xếp mọi thứ đâu ra đấy...”

Ngoài ra, việc đi bộ ngao du còn rất có lợi cho sức khỏe. Thông qua việc đi bộ, các cơ bắp trên cơ thể có dịp phát triển, từ đó mà sức khỏe của con người cũng có thể được cải thiện: ” sức khỏe được tăng cường, tính khí trở nên vui vẻ”, hòa mình vào trong không khí của tự nhiên, con người cũng sống lạc quan hơn, tự tại hơn từ đó yêu đời và luôn vui vẻ, khác với những kẻ luôn ngồi trong xe ngựa nhưng cả ngày cúi kính, không tìm được mục đích sống, cuộc sống sẽ trở nên nhàm chán và vô nghĩa.

Như vậy, đoạn trích “Đi bộ ngao du” của nhà văn Ru-xô đã đưa ra những luận điểm chặt chẽ, chứng minh cho những lợi ích của việc đi bộ ngao du. Những lập luận này hết sức chặt chẽ, có sức thuyết phục lại có những dẫn chứng cụ thể, sinh động trong thực tiễn, và dẫn chứng từ chính bản thân của tác giả. Thông qua đoạn trích này ta cũng thấy được Ru-xô còn là một nhà văn giản dị, quý trọng tự do và yêu thiên nhiên.

Đề bài: Sự bổ ích của những chuyến tham quan du lịch đối với học sinh

Dàn bài:

1. Mở bài: Nêu lợi ích khái quát của việc tham quan du lịch đối với học sinh:

- Trạng thái tinh thần và sức khỏe luôn tốt sau mỗi lần tham quan.
- Là sự mở mang trí óc và khơi gợi tình cảm của con người với thiên nhiên.

2. Thân bài: Chứng minh tham quan du lịch rất bổ ích đối với học sinh

Luận điểm 1: Những chuyến tham quan du lịch đem lại sức khỏe rất tốt cho học sinh

* Là cơ hội rất tốt để cho học sinh được hoạt động và vui chơi hết mình và lanhh mạnh.

- Vận động và vui chơi luôn là những vấn đề hạn chế ở các trường học, đặc biệt là trung học cơ sở và trung học phổ thông.

- Những dịp tham quan du lịch là những dịp để học sinh cùng hoạt động và vui chơi với các bạn, hơn nữa thiên nhiên và bầu không khí trong lành của địa điểm tham quan luôn làm học sinh cảm thấy thích thú hoạt động.

- Hoạt động thoải mái và tùy thích:

+ Tự do thưởng ngoạn cảnh đẹp thiên nhiên.

+ Tự do khám phá chơi đùa

*Gây ảnh hưởng tích cực đến học sinh sau khi tham gia các hoạt động trên:

- Sau những chuyến tham quan như vậy, học sinh sẽ ăn ngon miệng hơn và có giấc ngủ sâu hơn, đây chính là lợi ích của việc tham quan du lịch đối với học sinh.

Luận điểm 2: Những chuyến tham quan du lịch đem lại sự sảng khoái về tinh thần cho học sinh.

* Là sự thay đổi không khí rất cần thiết, giúp học sinh thư giãn và giải tỏa căng thẳng.

- Tham quan và d lịch ngoài thiên nhiên giúp ta hít thở bầu không khí trong lành, làm tinh thần sảng khoái và tâm trạng thoải mái.

* Là sự tự do và thoải mái về tâm lí.

- Thoát ly khỏi những căng thẳng và lo toan thường ngày.

- Những hoạt động đầy bổ ích cùng bạn bè sẽ góp phần làm cho học sinh thêm hứng khởi, nhiệt tình và trạng thái tinh thần luôn thả lỏng, thoải mái.

Luận điểm 3: Là cơ hội để học sinh mở mang trí tuệ, hiểu thế, kiến thức mới và có ví dụ thực tế cho những kiến thức đã học:

* Hiểu biết thêm về lịch sử và quá trình hình thành, phát triển của địa điểm tham quan:

Ví dụ: Khi đi thăm đền thờ Thánh Gióng, học sinh sẽ được phổ biến về lịch sử , sự tích của địa điểm, cụ thể là nhân vật truyền thuyết Thánh Gióng, một trong những tứ bất tử của tín ngưỡng Việt Nam: là một anh hùng dân gian với công đánh đuổi giặc Ân trên lưng con ngựa sắt, cùng với bộ quần áo và cây giáp sắt.

- Nghe những mẩu chuyện hoặc những tích nhỏ của những người hướng dẫn viên du lịch hay những người bản xứ không chỉ tạo niềm hứng thú đơn thuần mà còn là dịp giúp học sinh củng cố và đào sâu kiến thức.

* Hiểu biết về đại lí hoặc có thêm những ví dụ thực tiễn minh họa cho những gì đã được học:

- Được tận mắt chứng kiến địa hình, tự nhiên và đời sống con người nơi tham du lịch

- Học sinh có thể có cơ hội tự khám phá ra những nét văn hóa vô cùng độc đáo trong đời sống của con người mà chưa được nhắc đến trong sách vở (ví dụ như những tập tục, lễ lạt, ngôn ngữ, trang phục, nghi thức của người dân bản xứ)

Ví dụ: cũng ở đền thờ Thánh Gióng, nếu học sinh có dịp tham dự hội Gióng vào ngày mùng 9 tháng 4 âm lịch hẳn sẽ vô cùng bổ ích và lý thú bởi một nét văn hóa vô cùng thú vị.

* Hiểu biết về sinh học và tự nhiên

- Một điểm tham quan thú vị luôn gợi cảm hứng tìm tòi và khám phá của học sinh:
- + Những loài thực vật lạ mắt thiên nhiên kỳ thú xung quanh
- + Những con côn trùng đầy thích thú chúng ta
- Một cơ hội để học sinh vận dụng những hiểu biết về khoa học nói chung và sinh học nói riêng và thực tế: học sinh có thể thích thú nói về đặc điểm của những loài hoa và động vật khác nhau, là một hình thức trao đổi tri thức với nhau.

Luận điểm 4: Đem đến cho học sinh những tình cảm vô cùng quý báu với thiên nhiên và con người.

- * Khơi gợi tình cảm yêu thương và ý thức gìn giữ thiên nhiên của học sinh
- Phải đi đến với thiên nhiên, cách xa những tòa nhà cao tầng hay đường xá tấp nập xe cộ mới thấy được thiên nhiên lý thú, quan trọng, giản dị mà đẹp để đến nhường nào => thêm yêu thiên nhiên xung quanh chúng ta
- * Là bài học quý báu về tính độc lập và tinh thần đoàn kết tương trợ:
- Bài học về tính độc lập:
- + Những chuyến du lịch sẽ rèn luyện cho học sinh tính độc lập và tự chủ trong tập thể (độc lập trong cả hoạt động và tư duy)
- Là bài học về tinh thần đoàn kết tương trợ:
- + Tham quan du lịch ở lứa tuổi học sinh là một hoạt động mang tính tập thể, vì thế hoạt động tham quan du lịch sẽ đạt hiệu quả cao khi mỗi cá nhân có tinh thần đoàn kết trong tập thể. => tình bạn giữa các cá nhân trong tập thể

3. Kết bài: Khẳng định lại những lợi ích của hoạt động tham quan du lịch ở lứa tuổi học sinh.

**** Bài viết tham khảo:**

Mỗi con người trong xã hội lại có quyền lợi và giữ nhiệm vụ khác nhau. Quyền lợi và nghĩa vụ của học sinh là học tập. Để học tập tốt, học sinh có nhiều

phương pháp và phương tiện khác nhau. Trong số đó, nhìn vào thực tế ta có thể nhìn thấy sự bổ ích của những chuyến tham quan, du lịch đối với học sinh

Tham quan, du lịch là hoạt động trải nghiệm thực tế cuộc sống để đi đến nhiều nơi và tìm hiểu nhiều thứ hơn. Đây là hoạt động ngoại khóa được tổ chức ở nhiều trường trong cả nước và thế giới. Tham quan, du lịch đưa đến những tác động tích cực cho học sinh.

Trước tiên, những chuyến tham quan du lịch tạo ra cơ hội tốt, tạo điều kiện cho học sinh được hoạt động, học tập lẫn vui chơi lành mạnh. Đa số các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông còn hạn chế vấn đề hoạt động và vui chơi cho học sinh, gây sức ép gò bó cho các em. Tham gia các chuyến tham quan, du lịch là dịp để các em cùng hoạt động và giao tiếp với các bạn, tình cảm bạn bè từ đó được gắn kết hơn. Không khí thoải mái của những chuyến đi kích thích hứng thú hoạt động, trí tò mò ở mỗi học sinh, thúc đẩy phản xạ và tư duy phát triển.

Sau mỗi chuyến tham quan du lịch, học sinh đều tích lũy được những thay đổi tích cực. Không cần đối mặt với áp lực học tập căng thẳng và những bài học lý thuyết khô khan, học sinh được thoải mái tự do về tâm lý. Các em sẽ chủ động khám phá và tiếp nhận tri thức thu được từ chính chuyến đi. Gần gũi hơn với cuộc sống thực tế tạo thuận lợi cho hoạt động và mục tiêu của mỗi cá nhân. Sau mỗi chuyến tham quan, học sinh sẽ tích lũy được thêm nhiều tri thức thú vị, tinh thần được giải tỏa thì chế độ ăn uống, nghỉ ngơi sẽ tốt hơn. Sức khỏe nhờ đó cũng được nâng cao.

Đặc biệt, tham quan du lịch còn là cơ hội để học sinh mở mang kiến thức và bồi dưỡng đạo đức, kinh nghiệm. Nghe cả một bài giảng dài về loài vật này loài vật kia, về sự kiện lịch sử hay chiến công nào đó, học sinh có thể không hiểu và nhanh chóng quên đi. Nhưng khi các em có điều kiện và thời gian tiếp xúc trực tiếp, các em sẽ ghi nhớ và hiểu hơn rất nhiều. Một em bé tiểu học có khả năng miêu tả con hổ mà nó nhìn thấy ở vườn bách thú tốt hơn một học sinh trung học chưa bao giờ tận mắt nhìn thấy bóng dáng hổ. Đến thăm những di tích lịch sử và nghe kể lại những câu chuyện gắn liền với di tích ấy, chắc chắn nhận thức của học sinh sẽ bị tác động. Các em sẽ ghi nhớ di tích lịch sử ấy và biết ơn các anh hùng dân tộc. Nếu đến thăm Ngã ba Đồng Lộc – nơi mười nữ thanh niên xung phong đã chiến đấu và hi sinh, chắc chắn học sinh sẽ cảm động khi đọc lá thư gửi mẹ của một đồng chí

trước khi hi sinh. Bài học lịch sử trên lớp không thể đem lại cảm xúc đó. Từ những chuyến đi, được tận mắt quan sát địa hình tự nhiên, đời sống con người nơi tham quan du lịch, kiến thức địa lý của học sinh cũng được nâng cao. Những nét văn hóa, kiến thức chưa một lần nhắc tên trong sách vở lại được khám phá trong chuyến tham quan du lịch.

Tham quan du lịch tác động tích cực đến cả tinh thần và thể xác mỗi học sinh, gợi hứng thú khám phá, gắn kết các em với thiên nhiên thực tế cuộc sống. Đặc biệt tạo sự độc lập tự chủ trong tư duy, chiếm lĩnh tri thức và kết nối tinh thần tập thể giữa tất cả học sinh.

Chính từ những điều thú vị, bổ ích ấy, gia đình và nhà trường cần tạo điều kiện tổ chức những chuyến tham quan du lịch song song cùng việc học tập trên lớp của học sinh. Đưa các em đến những địa danh có ý nghĩa, có ích để học sinh có cơ hội khám phá, gần gũi thực tế phát triển toàn diện. Mỗi học sinh cũng cần tích cực tham gia những chuyến tham quan du lịch, chủ động khám phá thu hoạch từ những chuyến đi đó để áp dụng vào học tập và cuộc sống của mình.

ÔN TẬP VĂN BẢN: BÀN LUẬN VỀ PHÉP HỌC(LA SƠN PHU TỬ NGUYỄN THIẾP)

I, KIẾN THỨC CƠ BẢN

1, Tác giả:

Nguyễn Thiếp (1723-1804)

- Là người thiên tư sáng suốt, học rộng hiểu sâu, từng đỗ đạt nhưng về dạy học.
- Là cộng sự chân tình của vua Quang Trung.

2, Văn bản:

a. Hoàn cảnh sáng tác: Là phần trích từ bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung tháng 8/1791.

b. Thể loại: Văn bản nghị luận (luận văn – tiểu thuyết).

c. Bố cục: 3 phần

- Từ đầu -> nghỉ ngơi: Đi bộ ngao du và tự do.
- Tiếp -> tốt hơn: Đi bộ ngao du làm giàu hiểu biết cuộc sống thiên nhiên.
- Còn lại: Đi bộ ngao du và việc rèn luyện sức khoẻ, tinh thần.

II, LUYỆN TẬP

A. DẠNG ĐỀ ĐỌC - HIỂU

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi: “Đạo là lẽ đối xử hằng ngày..tệ nạn ấy.”

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Của ai?

Câu 2: Văn bản chứa đoạn trích trên viết theo thể loại nào? Nêu ngắn gọn đặc điểm của thể loại ấy?

Câu 3: Nêu nội dung và phương thức biểu đạt của đoạn trích trên là gì?

Câu 4: Câu “ Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền.” Thuộc kiểu câu gì? Thực hiện hành động nói nào?

Câu 5: Câu văn “ Ngọc không mài không thành đồ vật, người không học, không biết rõ đạo.” Thuộc kiểu câu gì? Tác giả muốn bày tỏ suy nghĩ gì về việc học qua câu văn này?

Câu 6 :Em hiểu thế nào là học hình thức? Thế nào là học cầu danh lợi?

Câu 7:Trong đoạn trích trên, tác giả có đề cập đến vấn đề " Tam cương, ngũ thường " theo em nghĩa của chúng là gì?

Câu 8 : Giải thích lí do sắp xếp trật tự từ trong những bộ phận câu in đậm dưới đây : " Phép dạy, nhất định phải theo Chu Tử, lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học thứ thứ thư ngũ kinh, chư sử. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm"

Câu 9:Trong đoạn trích trên, Nguyễn Thiếp đã đưa ra ý kiến " Học đi đôi với hành ". Hãy nêu suy nghĩ của em về vấn đề đó bằng một đoạn văn ngắn khoảng 7 câu.

Câu 10: Viết một đoạn văn ngắn từ 7-10 câu nói về sự cần thiết của việc học trong thời đại ngày nay.

Gợi ý:

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản “Bàn luận về phép học” của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp.

Câu 2:

- Văn bản chứa đoạn trích trên viết theo thể loại Tấu.

- Tấu:

+ Là loại văn thư của bề tôi, thần dân gửi lên vua, chúa để trình bày sự việc, ý kiến, đề nghị.

+Viết bằng văn xuôi,văn vắn,văn biền ngẫu.

Câu 3:

- Nội dung chính là nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học; khẳng định mục đích và tác dụng của việc học - học để làm người có ích, có giá trị. Đó mới là việc học chân chính. Ngoài ra còn khẳng định quan điểm đúng đắn về nội dung, phương pháp học tập; phê phán những quan điểm lệch lạc, sai trái trong việc học của một số bộ phận trong xã hội để thấy được ý nghĩa tích cực của việc học tập chân chính.
- Phương thức biểu đạt của đoạn trích trên là nghị luận.

Câu 4: Câu “ Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền.” Thuộc kiểu câu trần thuật, thực hiện hành động nói trình bày.

Câu 5:

- Câu văn “ Ngọc không mài không thành đồ vật, người không học, không biết rõ đạo.” thuộc kiểu câu phủ định.
- + Chỉ có học tập, con người mới tốt đẹp. Không thể không học mà tự trở thành người tốt. Do vậy, học tập là quy luật của cuộc sống con người.
- Tác giả cho rằng: đạo học của kẻ đi học là luân thường đạo lí. Em hiểu đạo học này ntn?
- Đạo học ngày trước: mục đích là hình thành đạo đức, nhân cách. Đó là đạo tam cương, ngũ thường.
- Tác giả dùng câu châm ngôn vừa dễ hiểu, vừa tăng sức mạnh thuyết phục. Khái niệm học được giả thích bằng hành ảnh so sánh cụ thể, dễ hiểu. Khái niệm đạo vốn trừu tượng, phức tạp được giả thích ngắn gọn, rõ ràng: Đạo là lí lẽ đối xử hành ngày giữa con người với con người.

Câu 6 :

- Học hình thức: Học thuộc lòng câu chữ mà không hiểu nội dung, chỉ có danh mà không có thực chất.

- Học cầu danh lợi: Học để có danh tiếng, được trọng vọng, được nhân nhĩ và nhiều lợi lộc.

➔ *Tác giả xem thường lối học chuộng hình thức. coi trọng lối học lấy mục đích thành người tốt đẹp làm đất nước bền vững.*

Câu 7: “ Tam cương, ngũ thường” là khái niệm đạo đức của nho giáo. Hiểu nôm na thì tam cương là quân thần cương, phụ tử cương, phu phụ cương. Đồng nghĩa là người trên (vua, cha, chồng) phải thương yêu, chăm sóc và bao dung người dưới (bề tôi, con, vợ), bề dưới phải kính nhường, thương yêu, phục tùng và biết ơn người trên. Còn ngũ thường là nhân nghĩa lễ trí tín. Trong đó:

- + Nhân: Nhân là lòng yêu thương đối với vạn vật.
- + Nghĩa: Nghĩa có nghĩa là phải cư xử với mọi người công bình theo lẽ phải.
- + Lễ: Lễ mang tính tôn trọng, hòa nhã trong khi cư xử với mọi người.
- + Trí: Trí là sự thông biết lý lẽ, phân biệt thiện ác, đúng sai.
- + Tín: Tín là phải giữ đúng lời hứa.

Chốt lại là cách đối xử giữa bề trên với bề dưới và lòng yêu thương đối với vạn vật, xử sự với nhau theo lẽ phải, mang tính tôn trọng, hòa nhã.

Câu 8 : Ngoài tác dụng liên kết thì nó thể hiện thứ tự của từng hoạt động học. Hay nói đúng hơn là đó là phương pháp học tập tốt mà Nguyễn Thiếp đã đề ra.

Câu 9:

- **Mở đoạn:** “ Học” và “hành” là hai quá trình có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.
- **Thân đoạn:**
 - Học là sự hiểu biết, là vốn kiến thức của mỗi con người. Con người có học là con người biết suy nghĩ, có nhận thức, có sự hiểu biết.
 - Hành là thực hành, thực hiện, vận dụng những lý thuyết đã học bằng việc làm thực tế.
 - Học kết hợp với hành không phải là vừa học vừa làm. Cho giả dụ, nếu bạn vừa ngồi ăn cơm hay rửa chén vừa học bài thì thử hỏi bạn có thuộc nổi không? Sự kết hợp ta nói đến ở đây là việc thực hiện những lý thuyết đã học nhằm hiểu rõ, nắm vững những vấn đề mà phần lý thuyết đó đề cập đến để có thể vận dụng chúng một nhanh chóng, chính xác trong thực tế sau này.

Như khi ta học lý thuyết môn toán Lượng giác ở trường, ta thực hành những lý thuyết đó bằng cách làm thật nhiều bài tập để có thể nắm vững những lý thuyết ấy.

- **Kết đoạn: Tóm lại, “ học” và “hành” một công việc rất cần thiết đối với mỗi con người đặc biệt là người học sinh.**

Câu 10:

- Câu mở đoạn: Học tập luôn là tài sản quý giá của con người.
- Các câu khai triển:
 - Học tập giúp chúng ta mở mang trí óc, biết được nhiều điều rộng lớn xung quanh chúng ta.
 - Ta có thể học theo nhiều cách có hiệu quả ngoài học từ thầy cô, cha mẹ, ta còn nên học cả ở bạn bè, những người hiểu biết rộng hơn chúng ta để thu thập được số lượng lớn những kiến thức mà mình chưa có hay chưa từng biết đến.
 - Cuộc đời con người chỉ có 1 con đường dẫn đến thành công chỉ là học tập. Nếu như không học chúng ta sẽ có hiểu biết hạn hẹp, đầu óc sẽ trở nên lú lẫn, và từ đó mà ta chẳng thể làm được điều gì cả . Thử nghĩ xem nếu bạn không học mà tình cờ muốn mua một loại thuốc nào đó trong khi bạn không biết đọc chữ thì làm sao bạn có thể mua được nó. Bạn không biết tính toán thì làm sao bạn trả được tiền khi mua đồ ăn ??? Khi không học bạn sẽ trở nên khó xử trước tình huống đó vậy nên chúng ta phải học .
- * **Câu kết đoạn:** Tóm lại, học có chất lượng để hiểu biết , để tận hưởng được hết những trải nghiệm quý giá trong cuộc đời mình.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Phép dạy, nhất định theo Chu Tử. Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học đến tứ thư, ngũ kinh, chư sử. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm. Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua.

Đạo học thành người thì người tốt nhiều; người tốt nhiều thì triều đình ngay

ngắn mà thiên hạ thịnh trị”

Câu 1: Đoạn văn được trích trong văn bản nào ? Của ai ?

Câu 2: Xác định kiểu câu và hành động nói của câu “*Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm*”? Em hiểu như thế nào về câu văn này?

Câu 3: Câu văn “Xin chớ bỏ qua.” thuộc kiểu câu gì ? Thực hiện hành động nói nào ?

Câu 4: Trong đoạn văn trên, Nguyễn Thiếp đã bàn luận đến các phép học nào? Tác dụng mà ông nêu lên là gì?

Câu 5: Từ thực tế học tập của bản thân em, em thấy phương pháp học tập nào là tốt nhất?

Câu 6: Tìm câu tục ngữ có nghĩa tương ứng với câu của tác giả Nguyễn Thiếp: “*Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm*”

Câu 7: Theo Nguyễn Thiếp, việc học không chỉ liên quan đến mỗi người mà còn quan hệ đến cả quốc gia, xã hội. Quan hệ ấy được hiểu như thế nào?

Câu 8: Nguyễn Thiếp nêu mục đích của việc học là làm người. Em có đồng ý với quan niệm đó không? Theo em, học để làm người trong thời đại ngày nay thì cần học những gì và học như thế nào?

Câu 9: Từ bài “Bàn luận về phép học” của Nguyễn Thiếp, viết đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ về mục đích và phương pháp học của bản thân?

Gợi ý:

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản “Bàn luận về phép học” của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp.

Câu 2:

- Kiểu câu: Cầu khiến
- Hành động nói: Điều khiển
- Học rộng rồi tóm lược cho gọn: học rộng, nghĩ sâu, viết tóm lược những điều cơ bản, cốt yếu; theo điều học mà làm: học phải biết kết hợp với hành. Học không phải chỉ để biết mà còn để làm. Muốn học tốt phải có phương pháp: Học cho rộng nhưng phải làm cho gọn, đặc biệt học phải biết áp dụng vào thực tế.

Câu 3: Câu văn “Xin chớ bỏ qua.” thuộc kiểu câu rút gọn. Thực hiện hành động nói cầu khiến.

Câu 4: Phương pháp học của tác giả được thể hiện như thế nào trong đoạn trích?

+ Học từ những kiến thức cơ bản, có tính chất nền tảng:

- Từ thấp đến cao.
 - Học rộng nghĩ sâu, biết tóm lược những điều cơ bản, cốt yếu nhất.
 - Học kết hợp với hành, học để làm.
- ➔ Tác dụng: Đào tạo được nhân tài, nhờ thế mà nhà nước vững yên. Người tốt nhiều, triều đình ngay ngắn, thiên hạ thịnh trị.

Câu 5: Từ thực tế học tập của bản thân em, em thấy phương pháp học tập học đi đôi với hành là tốt nhất vì phương pháp ấy có thể giúp em biết kiến thức học trên lớp thành bài thực hành trong cuộc sống một cách chủ động.

Câu 6: Học ăn, học nói, học gói, học mở.

Câu 6: Tìm câu tục ngữ có nghĩa tương ứng với câu của tác giả Nguyễn Thiếp: *“Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm”*

Câu 7: Quan hệ ấy được hiểu :

- Chỉ có học tập mới giúp mỗi người có thêm tri thức.
- Có tri thức mà mưu cầu danh lợi thì mỗi nguy hại mà nó đưa đến cho đất nước là rất to lớn.
- Có tri thức mà phát triển đúng hướng, đúng mục đích để làm người thì đất nước sẽ vững yên và phát triển.

Câu 8: Nguyễn Thiếp nêu mục đích của việc học là làm người. Đó là một quan niệm đúng đắn. Theo em, học để làm người trong thời đại ngày nay cần:

+ Học tri thức cơ bản và hiện đại về nhiều lĩnh vực cả tự nhiên và xã hội.

+ Phát huy năng lực tư duy, sáng tạo, kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp.

Về phương pháp học tập: Học đi đôi với hành, học gắn liền với thực tiễn.

Câu 9:

Gợi ý: Liên hệ về mục đích, phương pháp học tập của bản thân. Trình bày luận điểm theo phương pháp diễn dịch hoặc quy nạp. Viết thành đoạn văn chặt chẽ, rõ ràng về ý, chính xác về dùng từ, đặt câu.

* **Mở đoạn:** Trong cuộc sống tất cả mọi người đều mong muốn thành đạt, có vị trí trong xã hội, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Để vươn tới được mục đích ấy, ai cũng phải học tập để có kiến thức sau đó vận dụng vào cuộc sống. Trong cuộc sống tất cả mọi người đều mong muốn thành đạt thì chúng ta cần phải kết hợp giữa mục đích và phương pháp học tập của bản thân.

* **Thân đoạn:**

- Trong bài “Bàn luận về phép học” của La Sơn Phu Tử, tác giả đã chỉ rõ học chân chính là học làm người, học từ dưới lên cao, từ dễ đến khó, hoặc để áp dụng vào cuộc sống, giúp cuộc sống nhân dân ấm no, hạnh phúc. Điều đó là rất đúng, vì vậy để học và hành có ý nghĩa, chúng ta thử bàn bạc nếu học mà không hành thì sao? Nếu chỉ học vì mục đích lấy danh thơm để chứng tỏ với mọi người vậy ta có học chỉ uống phí và mất thời gian. Hoặc nhiều người đi học để lấy điểm, lấy bằng cấp, theo đuổi chức vụ là những người phục vụ cá nhân, ích kỉ mà không vận dụng kiến thức để làm sao cho có sản phẩm quả là đáng trách. Hành mà không học đôi khi cũng có kết quả nhưng không chắc chắn, kết quả không cao bởi vì quá trình thực hiện công việc chưa có cơ hội kế thừa thế hệ trước bằng kinh nghiệm cũng như lý thuyết. Thậm chí hành mà không học có thể dẫn đến thất bại, phá sản,....

- Chính vì những vấn đề đã nêu ra ở phần trên, học không hành là vô ích, hành không học thì không có hiệu quả.

- Vì vậy, chúng ta phải kết hợp học đi đôi với hành. Sự kết hợp này chắc chắn đạt được kết quả cao. Sau khi nghiên cứu, tìm hiểu lý thuyết, chúng ta vận dụng ngay vào thực tế sẽ có kinh nghiệm để sáng tạo, sửa đổi cho phù hợp, từ đó chúng ta sẽ rút ra được không ít những kinh nghiệm để sáng tạo, sửa đổi cho phù hợp thì tiến độ làm vào sản phẩm sẽ nhanh, hiệu quả, có giá trị kinh tế. Vậy mỗi chúng ta hãy hiệu và thực hiện 2 yếu tố học và hành sẽ góp phần tạo ra của cải vật chất để xây dựng đất nước. Từ đó đưa dân tộc vượt đói, vượt nghèo, đứng ngang bằng với các nước trên thế giới vì trong quá trình học chúng ta đã tiếp thu được những kiến thức, văn minh của nhân loại.

- Từ đó ta hãy hiểu lối học chân chính của La Sơn Phu Tử, nếu học không chân chính sẽ dẫn đến mất nước quả là rất đúng. Riêng em, em sẽ vận dụng vào việc học và hành để có kiến thức trở thành một người công dân có đạo đức, hoàn thành trọng trách mà nhà nước giao phó cho mình.

* **Kết đoạn:** Tóm lại, mỗi chúng ta cần xác định đúng đắn mục đích và phương pháp học sao cho đúng đắn và hiệu quả.

B. DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN

Từ bài *Bàn luận về phép học* của Nguyễn Thiếp, hãy bàn về mối quan hệ giữa “học” và “hành”.

I. Tìm hiểu đề và xây dựng đáp án.

1. Xác định yêu cầu của đề.

- Kiểu văn bản: văn nghị luận giải thích.
- Yêu cầu: bàn về mục đích học tập của h/s.

2. Lập dàn bài:

a. Mở bài: Giới thiệu vấn đề và dẫn lời của La Sơn Phu Tử "theo điều học mà làm".

b. Thân bài:

- Giải thích "học" là gì ? (tiếp thu kiến thức được tích lũy trong sách vở, trau dồi kiến thức, mở mang trí tuệ).

- Giải thích "hành" là gì ? (thực hành các ứng dụng kiến thức lí thuyết vào thực tiễn đời sống).

- Khẳng định "học" và "hành" là hai vấn đề luôn gắn liền, đi đôi với nhau như hai mặt của một vấn đề.

- Phải học và hành như thế nào cho hợp lí:

+ Học: thường xuyên học "Học, học, học nữa, học mãi" - Lê-nin; học ở mọi nơi, mọi lúc, học từ cấp thấp, đến cao, nắm được nội dung cốt lõi của vấn đề... - Nguyễn Thiếp.

+ Hành: ứng dụng những điều đã học vào thực tế, có như vậy thì mới đánh giá đúng được thực chất của việc học (lấy ví dụ minh họa về tác hại của việc "học" mà không "hành").

- Liên hệ với bản thân học sinh về mối quan hệ giữa "học" và "hành".

* *Kết bài*: Nêu suy nghĩ của mình về vấn đề và khẳng định tầm quan trọng của vấn đề.

Bài viết tham khảo:

Trong bài tấu gửi vua Quang Trung vào tháng 8 năm 1791, ở phần “Bàn luận về phép học”, La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp có viết: “Học rộng rồi tóm lại cho gọn, theo điều học mà làm”. Như vậy, cách chúng ta mấy trăm năm, La Sơn Phu Tử đã nhận ra được tầm quan trọng của phương pháp học tập kết hợp giữa lí thuyết với thực hành. Điều đó cho chúng ta biết rằng giữa hai yếu tố “học” và “hành” có mối quan hệ mật thiết với nhau không thể tách rời.

Vậy, “học” là gì? Học là quá trình tiếp thu tri thức và biến những tri thức được tiếp thu ấy thành vốn hiểu biết của bản thân. Việc học không chỉ đơn thuần thông qua việc hướng dẫn giảng dạy của thầy cô, sự truyền thụ kinh nghiệm của những người lớn tuổi mà còn thông qua sự trao đổi với của bạn bè, qua việc đọc, nghiên cứu tài liệu, sách vở và quan sát từ thực tế cuộc sống. Tuy nhiên, “học” chỉ

dừng lại ở khâu lí thuyết. Muốn biến những điều đã học thành thực tế, nhất thiết phải thông qua lao động thực hành. “Hành” là những thao tác nhằm vận dụng các kĩ năng, kiến thức đã tiếp thu vào việc giải quyết những tình huống, những vấn đề cụ thể. Không một môn học nào lại không có phần thực hành. Việc thực hành thể hiện qua các bài tập sau khi vừa học lí thuyết, qua các tiết thí nghiệm thực hành các bộ môn Lý, Hóa, Sinh; qua các thao tác vận động ở bộ môn Thể dục. Theo La Sơn Phu Tử trình bày trong phần “bàn luận về phép học” thì “hành” là việc vận dụng đạo lý của thánh hiền vào cuộc sống, biến những triết lý trừu tượng thành việc làm cụ thể nhằm thể hiện nhân cách, phẩm giá của con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh có nói: ‘Học mà không hành thì học vô ích, hành mà không học thì hành không trôi chảy’. Lời dạy trên của Bác cũng góp phần khẳng định mối quan hệ mật thiết và tương hỗ giữa hai yếu tố “học” và “hành” trong cuộc sống. Việc thực hành có tác dụng củng cố kiến thức, khắc sâu những điều đã học. Người có học mà không biết ứng dụng những điều đã học vào thực tế thì việc học ấy trở thành vô ích. Sau mỗi bài học lí thuyết là bài bài tập để củng cố, sau mỗi tiết thí nghiệm thực hành là kiến thức đã học được khắc sâu hơn. Nếu không có những tiết bài tập và thí nghiệm thì những điều chúng ta đã học sẽ trở thành mớ lí thuyết suông không có tác dụng gì.

Ngược lại, hành mà không học thì hành không trôi chảy. Trong học tập, học sinh muốn làm được một bài văn hay một bài toán thì không những phải nắm vững lí thuyết mà còn phải biết vận dụng lí thuyết để làm từng kiểu bài cụ thể. Anh công nhân trong xưởng máy vận dụng lí thuyết để cải tiến kĩ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm. Chị nông dân áp dụng khoa học vào đồng ruộng để có được những vụ mùa bội thu... Có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thời đại.

Thực tế cho thấy trong tất cả các cấp học ngày nay, phương châm học đi đôi với hành là hoàn toàn đúng. Những kiến thức mà chúng ta tiếp thu được từ nhà trường, sách vở... phải được áp dụng vào thực tiễn cuộc sống để sáng tạo ra những thành quả vật chất, tinh thần phục vụ con người.

Tóm lại, từ việc tìm hiểu bài tấu “Bàn luận về phép học” của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, em nhận thấy hai yếu tố “học” và “hành” đều có tầm quan trọng như nhau và quan hệ mật thiết cùng nhau. “Học” có vai trò dẫn dắt việc

“hành” và “hành” có tác dụng củng cố khắc sâu và hoàn chỉnh việc “học”. Từ đó, em phải thay đổi phương pháp học tập sao cho đúng đắn, biết kết hợp vận dụng tốt cả hai yếu tố “học” và “hành” để nâng cao trình độ học vấn của bản thân và áp dụng linh hoạt vào thực tế.

ÔN TẬP VĂN BẢN: THUẾ MÁU(NGUYỄN ÁI QUỐC)

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả:

- Nguyễn Ái Quốc (1890- 1969)...
- NAQ là một trong những tên gọi của Bác trong thời kì hoạt động cách mạng trước 1945. Người là vị lãnh tụ kiệt xuất của phong trào cách mạng Việt Nam và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- Người là một danh nhân văn hóa thế giới.

2. Văn bản:

a. Hoàn cảnh sáng tác:

- Được viết tại Pháp bằng tiếng Pháp. Xuất bản tại Pari 1925, tại HN 1946.
- Đoạn trích trên nằm ở chương I của bản án chế độ thực dân Pháp.

b. Thể loại: Thuộc thể chính luận gồm 12 chương.

c. Bố cục:

- P1 Chiến tranh và người bản xứ
- P2: Chế độ lính tình nguyện
- P3: Kết quả của sự hi sinh.

d. Giá trị nội dung: Tác giả tố cáo lên án bộ mặt giả nghĩa của bọn thực dân đối với người dân thuộc địa, đồng thời, cảm thương khích lệ tinh thần đấu tranh để giải phóng dân tộc của nhân dân.

e. Giá trị nghệ thuật: Bố cục chặt chẽ, lập luận tập trung, luận cứ và luận chứng rõ ràng, xác thực, phong phú, chuẩn xác, lập luận mạch lạc, thuyết phục, hấp dẫn.

g. Ý nghĩa nhan đề: Người dân thuộc địa phải chịu một thứ thuế bất công vô lí: bị bóc lột xương máu, phải đóng thuế bằng chính mạng sống của mình.

- Phơi bày bản chất, tội ác tàn bạo, ghê tởm, vô nhân đạo của bọn thực dân và gọi lên số phận thảm thương của những người dân thuộc địa.
- Bày tỏ sự mỉa mai và thái độ căm phẫn của tác giả đối với tội ác mà bọn thực dân gây ra với người dân thuộc địa.

II, LUYỆN TẬP

A. DẠNG ĐỀ ĐỌC- HIỂU

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Theo dõi đoạn “Chiến tranh và người bản xứ” và trả lời câu hỏi sau:

1. thái độ của các quan cai trị thực dân đối với người dân thuộc địa trước và khi có chiến tranh như thế nào?
- 2, - Tại sao những người bản xứ lại được đối xử như vậy?
- 3, - Các từ đặt trong dấu ngoặc kép với dụng ý gì?
4. Tác giả sử dụng nghệ thuật gì trong đoạn trích?
5. Số phận thảm thương của người dân thuộc địa trong các cuộc chiến tranh phi nghĩa được trình bày bằng những luận cứ nào?

Gợi ý:

1. **Trước chiến tranh**: Họ bị xem là giống người hạ đẳng, bị đánh đập, và bị đối xử như súc vật.
- + **Khi có chiến tranh**: Họ được các quan cai trị tâng bốc, vỗ về, được phong cho những danh hiệu cao quý.
2. + Vì TD Pháp muốn che dấu giã tâm lợi dụng xương máu của họ trong cuộc chiến cho quyền lợi của Pháp. đó là thủ đoạn lừa bịp bỉ ổi của chính quyền TD để bắt đầu biến họ thành những vật hi sinh.
3. + Mỉa mai, châm biếm sự giả dối, thâm độc của CĐTD.

4. NAQ’ sử dụng nghệ thuật trào phúng sắc bén để lột tả bản chất của chúng.

5.

Trên các chiến trường	Ở hậu phương
<ul style="list-style-type: none"> - Xuống tận đáy biển để bảo vệ Tổ quốc của các loài thủy quái. - Bỏ xác tại những miền hoang vu thơ mộng vùng Ban căng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm kiệt sức trong các xưởng thuốc súng. - Nhiễm những luồng khí độc đỏ ối của người Pháp.

<ul style="list-style-type: none"> - Đưa thân cho người ta tàn sát trên bờ sông Mác-nơ. - Lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy. - Lấy xương mình chạm lên những chiếc gậy của các ngài thống chế. 	-> Khắc ra từng miếng phổi.
---	-----------------------------

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:...Để ghi nhớ công lao của người lính An Nam, chẳng phải người ta đã lột hết tất cả của cải của họ, từ chiếc đồng hồ, bộ quần áo mới toanh mà họ bỏ tiền túi ra mua, đến các vật kỉ niệm đủ thứ trước khi đưa họ đến Mác-xây xuống tàu về nước đó sao? Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt không giường nằm, không ánh sáng thiếu không khí đó sao?..."

Câu 1: Đoạn văn trích từ văn bản nào? Hãy nêu xuất xứ của văn bản đó?

Câu 2: Nhan đề của văn bản có ý nghĩa gì?

Câu 3: Xác định kiểu câu phân theo mục đích nói và hành động nói trong các câu sau: "Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt không giường nằm, không ánh sáng thiếu không khí đó sao?"

Câu 4: Chuyển 2 câu trên thành các kiểu câu khác có nội dung tương đồng và cho biết các câu đó thuộc kiểu câu gì?

Câu 5: Hãy viết văn bản ngắn khoảng 10 dòng trình bày suy nghĩ của em về vấn đề bảo vệ cuộc sống hòa bình trong giai đoạn hiện nay?

Câu 1: Đoạn văn trích trong văn bản: "Thuế máu"

Văn bản được trích chương I của tác phẩm: "Bản án chế độ thực dân Pháp"

Câu 2: Người dân thuộc địa phải chịu một thứ thuế bất công vô lí: bị bóc lột xương máu, phải đóng thuế bằng chính mạng sống của mình.

- Phơi bày bản chất, tội ác tàn bạo, ghê tởm, vô nhân đạo của bọn thực dân và gọi lên số phận thảm thương của những người dân thuộc địa.

- Bày tỏ sự mỉa mai và thái độ căm phẫn của tác giả đối với tội ác mà bọn thực dân gây ra với người dân thuộc địa.

Câu 3: Cả hai câu là câu nghi vấn, thực hiện hành động khẳng định .

Câu 4: Chuyển đổi kiểu câu:

- Người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ.

- Người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt không giường nằm, không ánh sáng thiếu không khí.

-> Hai câu trên thuộc kiểu câu trần thuật.

Câu 5: Nêu ngắn gọn về vấn đề hòa bình:

- Vì sao phải bảo vệ hòa bình?

+ Hòa bình mang lại cho chúng ta điều gì?

+ Nếu không có hòa bình thì điều gì xảy ra?

- Phải làm gì để bảo vệ hòa bình?

+ Sống biết yêu thương.

+ Tuyên truyền cho mọi người hiểu giá trị của cuộc sống hòa bình.

+ Lên án thái độ của những người chưa yêu hòa bình.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“...Để ghi nhớ công lao của người lính An Nam, chẳng phải người ta đã lột hết tất cả của cải của họ, từ chiếc đồng hồ, bộ quần áo mới toanh mà họ bỏ tiền túi ra mua, đến các vật kỉ niệm đủ thứ trước khi đưa họ đến Mác-xây xuống tàu về nước đó sao? Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt không giường nằm, không ánh sáng thiếu không khí đó sao?...”

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ phần nào của văn bản “Thuế máu”? Đoạn văn được

viết theo phương thức biểu đạt nào?

Câu 2: Xác định nội dung của đoạn văn? Qua đoạn văn tác giả bày tỏ những thái độ gì?

Câu 3: Tác giả đã sử dụng kiểu câu phân loại theo mục đích nói nào? Chỉ rõ dấu hiệu hình thức của kiểu câu đó trong đoạn văn?

Câu 4: Tác giả đã thực hiện hành động nói nào qua các câu trong đoạn văn? Hành động nói đó được thực hiện theo cách nào?

Gợi ý:

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ phần “Kết quả của sự hi sinh” của văn bản “Thuế máu”. Đoạn văn được viết theo phương thức biểu đạt miêu tả, biểu cảm, nghị luận.

Câu 2:

- Nội dung của đoạn văn: Cách đối xử tệ bạc của chính quyền thực dân đối với người lính An Nam khi chiến tranh kết thúc
- Qua đoạn văn tác giả bày tỏ những thái độ :
 - + Lên án, tố cáo chính quyền thực dân.
 - + Đồng cảm, bênh vực người lính ở các nước thuộc địa.

Câu 3: Tác giả đã sử dụng kiểu câu phân loại theo mục đích nói: Câu nghi vấn
Dấu hiệu hình thức: Các câu có cấu trúc nghi vấn “ Chẳng phải ... đó sao?”, cuối câu kết thúc bằng dấu chấm hỏi.

Câu 4: Tác giả đã thực hiện hành động nói khẳng định qua các câu trong đoạn văn. Hành động nói đó được thực hiện theo cách gián tiếp.

B. DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN

Đề bài: Phân tích bài Thuế máu của Nguyễn Ái Quốc.

1. Mở bài: - “Thuế máu” là văn bản nghị luận sắc bén, nổi tiếng của Nguyễn Ái Quốc với nghệ thuật trào phúng sắc sảo, vạch trần sự ác độc, thủ đoạn tàn bạo của thực dân Pháp với người dân thuộc địa trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ 1.

2. Thân bài:

Luận điểm 1: Chiến tranh và người bản xứ

* Giọng điệu của bọn thực dân

+ Trước chiến tranh thế giới lần 1, chúng cay nghiệt, khinh thường người dân thuộc địa bằng những cái tên “bọn da đen bản thổ”, hay bọn “An-nam-mít”, bọn chỉ biết “kéo xe tay và ăn đòn”.

+ Sau khi chiến tranh xảy ra, bọn thực dân bắt ngờ thay đổi chóng mặt, chúng gọi người dân thuộc địa là “con yêu”, là “bạn hiền”, ngợi ca và phong cho họ là những “chiến sĩ tự do bảo vệ công lí”.

+ Tại sao có sự thay đổi như vậy? Vì sau khi chiến tranh xảy ra, bọn thực dân muốn dùng dân thuộc địa để giúp chúng bành trướng và chết thay cho chúng

* Số phận của người dân thuộc địa

- Trên chiến trường tàn khốc: họ buộc phải xa gia đình, xa quê hương, người phơi thây ngoài chiến trường, kẻ chết khi vượt biển, bỏ xác tại nơi hoang vu, bị tàn sát không thương tiếc...

- Ở hậu phương, họ bị bọn thực dân bóc lột, vắt kiệt sức trong các xưởng thuốc súng, bị nhiễm khí độc đến nỗi “khạc ra từng miếng phổi”.

⇒ Số phận thảm thương, bế tắc của những người dân thuộc địa.

Luận điểm 2: Chế độ lính tình nguyện

* Các thủ đoạn, mảnh khốc của bọn thực dân

- Các thủ đoạn vũ lực, mảnh khốc vô lí để bắt ép người dân Đông Dương đi lính và vơ vét của cải của họ:

+ Chúng mở cuộc lùng ráp, vây bắt và cưỡng chế bằng vũ lực để ép người dân đi lính

+ Chúng dùng mảnh khốc trần lột của cải của người dân bằng luận điệu: muốn không đi lính thì xì tiền ra.

+ Khi bị bắt, chúng trói, xích, đánh đập như súc vật, sẵn sàng đàn áp dã man nếu họ chống đối.

⇒ Vô nhân đạo, không từ một thủ đoạn tàn ác, coi mạng người như cỏ rác.

- Giọng điệu xảo trá, đáng khinh khi chúng nói “các bạn đã tấp nập đầu quân...; không ngần ngại rời bỏ quê hương...”.

* Phản ứng của người dân

- Tìm mọi cách để trốn thoát khỏi vòng vây của bọn thực dân

- Sẵn sàng làm cho mình nhiễm những căn bệnh nặng nhất để không phải đi nhưng cuối cùng vẫn bị chúng bóc lột, vơ vét không từ thủ đoạn.

⇒ Họ không hề tình nguyện như lời phủ toàn quyền Đông Dương đã công bố trước toàn thế giới.

Luận điểm 3: Kết quả của sự hi sinh

- Một loạt các câu nghi vấn nhưng không hề có mục đích hỏi mà tác giả đang muốn khẳng định, vạch trần bộ mặt trá trở, tàn nhẫn, xảo trá, vô nhân đạo, bỉ ổi của bọn thực dân Pháp đối với những người dân Việt Nam

+ Chúng thẳng thừng tuyên bố: “Các anh đã bảo về Tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ chúng tôi không cần các anh nữa, cút đi.”

+ Chúng thậm chí còn ra sức vơ vét , gieo rắc vào đất nước ta những tệ nạn chết người.

⇒ Lời tố cáo thẳng thắn, quyết liệt của tác giả trước những tội ác của bọn thực dân, thái độ mỉa mai, châm biếm đến cực độ trước sự gian xảo, bỉ ổi của chúng.

Luận điểm 4: Nghệ thuật

- Văn bản nghị luận với những luận điểm, luận cứ sắc sảo, chân thực, logic

- Sử dụng những hình ảnh giàu giá trị biểu cảm

- Giọng điệu khi mỉa mai châm biếm, khi chua xót uất hận.

3. Kết bài: - Văn bản “Thuế máu” nói riêng và “Bản án chế độ thực dân Pháp” nói chung chính là nhát dao sắc bén của Nguyễn Ái Quốc, đâm thẳng vào “tim đen” của bọn thực dân và sự đau khổ của người dân các nước thuộc địa.

ÔN TẬP VĂN BẢN: BÀN LUẬN VỀ PHÉP HỌC (LA SƠN PHU TỬ NGUYỄN THIẾP)

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả:

+ Nguyễn Thiếp (1723 - 1804)

+ Quê : Hà Tĩnh

+ Là người “thiên tư sáng suốt, học rộng hiểu sâu”, có tấm lòng vì nước, vì dân..

2. Văn bản

a. Hoàn cảnh sáng tác: Trích từ bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung tháng 8-1791.

b. * Thể loại: Thê tấu

c. Bố cục: - 3 phần:

+ Từ đầu → ”tệ hại ấy”: mục đích của việc học là để làm người.

+ Tiếp → “bỏ qua”: Phê phán những biểu hiện lệch lạc,sai trái trong việc học.Lỗi học này gây ra những tác hại lớn.

+ Còn lại: Quan điểm và phương pháp đúng đắn trong việc học

d. Giá trị nghệ thuật: Lập luận chặt chẽ, lô gic, theo trình tự hợp lí.

e. Giá trị nội dung: Văn bản giúp ta hiểu mục đích của việc học là để làm người có đạo đức, có tri thức góp phần làm hưng thịnh đất nước, chứ không phải để cầu danh lợi. Muốn học tốt phải có phương pháp, học cho rộng nhưng phải nắm cho gọn, đặc biệt, học phải đi đôi với hành.

II, LUYỆN TẬP

A. DẠNG ĐỀ ĐỌC- HIỂU

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi: “ Đạo là lẽ đối xử hằng ngày..tệ nạn ấy.”

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Của ai?

Câu 2: Văn bản chứa đoạn trích trên viết theo thể loại nào? Nêu ngắn gọn đặc điểm của thể loại ấy?

Câu 3: Nêu nội dung và phương thức biểu đạt của đoạn trích trên là gì?

Câu 4: Câu “ Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền.” Thuộc kiểu câu gì? Thực hiện hành động nói nào?

Câu 5: Câu văn “ Ngọc không mài không thành đồ vật, người không học, không biết rõ đạo.” Thuộc kiểu câu gì? Tác giả muốn bày tỏ suy nghĩ gì về việc học qua câu văn này?

Câu 6 :Em hiểu thế nào là học hình thức? Thế nào là học cầu danh lợi?

Câu 7:Trong đoạn trích trên, tác giả có đề cập đến vấn đề " Tam cương, ngũ thường " theo em nghĩa của chúng là gì?

Câu 8 : Giải thích lí do sắp xếp trật tự từ trong những bộ phận câu in đậm dưới đây : " Phép dạy, nhất định phải theo Chu Tử, lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học thứ thứ thư ngũ kinh, chư sử. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm"

Câu 9:Trong đoạn trích trên, Nguyễn Thiếp đã đưa ra ý kiến " Học đi đôi với hành ". Hãy nêu suy nghĩ của em về vấn đề đó bằng một đoạn văn ngắn khoảng 7 câu.

Câu 10:Viết một đoạn văn ngắn từ 7-10 câu nói về sự cần thiết của việc học trong thời đại ngày nay.

Gợi ý:

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản “Bàn luận về phép học” của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp.

Câu 2:

- Văn bản chứa đoạn trích trên viết theo thể loại Tấu.

- Tấu:

+ Là loại văn thư của bề tôi, thần dân gửi lên vua, chúa để trình bày sự việc, ý kiến, đề nghị.

+Viết bằng văn xuôi, văn vãn, văn biền ngẫu.

Câu 3:

- Nội dung chính là nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học; khẳng định mục đích và tác dụng của việc học - học để làm người có ích, có giá trị. Đó mới là việc học chân chính. Ngoài ra còn khẳng định quan điểm đúng đắn về nội dung, phương pháp học tập; phê phán những quan điểm lệch lạc, sai trái trong việc học của một số bộ phận trong xã hội để thấy được ý nghĩa tích cực của việc học tập chân chính.
- Phương thức biểu đạt của đoạn trích trên là nghị luận.

Câu 4: Câu “ Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền.” Thuộc kiểu câu trần thuật, thực hiện hành động nói trình bày.

Câu 5:

- Câu văn “ Ngọc không mài không thành đồ vật, người không học, không biết rõ đạo.” thuộc kiểu câu phủ định.
- + Chỉ có học tập, con người mới tốt đẹp. Không thể không học mà tự trở thành người tốt. Do vậy, học tập là quy luật của cuộc sống con người.
- Tác giả cho rằng: đạo học của kẻ đi học là luân thường đạo lí. Em hiểu đạo học này ntn?
- Đạo học ngày trước: mục đích là hình thành đạo đức, nhân cách. Đó là đạo tam cương, ngũ thường.
- Tác giả dùng câu châm ngôn vừa dễ hiểu, vừa tăng sức mạnh thuyết phục. Khái niệm học được giả thích bằng hành ảnh so sánh cụ thể, dễ hiểu. Khái niệm đạo vốn trừu tượng, phức tạp được giả thích ngắn gọn, rõ ràng: Đạo là lí lẽ đối xử hành ngay giữa con người với con người.

Câu 6 :

- Học hình thức: Học thuộc lòng câu chữ mà không hiểu nội dung, chỉ có danh mà không có thực chất.
- Học cầu danh lợi: Học để có danh tiếng, được trọng vọng, được nhân nhã và nhiều lợi lộc.

➔ *Tác giả xem thường lối học chuộng hình thức. Coi trọng lối học lấy mục đích thành người tốt đẹp làm đất nước bền vững.*

Câu 7: “ Tam cương, ngũ thường” là khái niệm đạo đức của nho giáo. Hiểu nôm na thì tam cương là quân thần cương, phụ tử cương, phu phụ cương. Đồng nghĩa là người trên (vua, cha, chồng) phải thương yêu, chăm sóc và bao dung người dưới (bề tôi, con, vợ), bề dưới phải kính nhường, thương yêu, phục tùng và biết ơn người trên. Còn ngũ thường là nhân nghĩa lễ trí tín. Trong đó:

- + Nhân: Nhân là lòng yêu thương đối với vạn vật.
- + Nghĩa: Nghĩa có nghĩa là phải cư xử với mọi người công bình theo lẽ phải.
- + Lễ: Lễ mang tính tôn trọng, hòa nhã trong khi cư xử với mọi người.
- + Trí: Trí là sự thông biết lý lẽ, phân biệt thiện ác, đúng sai.
- + Tín: Tín là phải giữ đúng lời hứa.

Chốt lại là cách đối xử giữa bề trên với bề dưới và lòng yêu thương đối với vạn vật, xử sự với nhau theo lẽ phải, mang tính tôn trọng, hòa nhã.

Câu 8 : Ngoài tác dụng liên kết thì nó thể hiện thứ tự của từng hoạt động học. Hay nói đúng hơn là đó là phương pháp học tập tốt mà Nguyễn Thiếp đã đề ra.

Câu 9:

- **Mở đoạn:** “ Học” và “hành” là hai quá trình có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.
- **Thân đoạn:**
 - Học là sự hiểu biết, là vốn kiến thức của mỗi con người. Con người có học là con người biết suy nghĩ, có nhận thức, có sự hiểu biết.
 - Hành là thực hành, thực hiện, vận dụng những lý thuyết đã học bằng việc làm thực tế.
 - Học kết hợp với hành không phải là vừa học vừa làm. Cho giả dụ, nếu bạn vừa ngồi ăn cơm hay rửa chén vừa học bài thì thử hỏi bạn có thuộc nổi

không? Sự kết hợp ta nói đến ở đây là việc thực hiện những lý thuyết đã học nhằm hiểu rõ, nắm vững những vấn đề mà phần lý thuyết đó đề cập đến để có thể vận dụng chúng một nhanh chóng, chính xác trong thực tế sau này. Như khi ta học lý thuyết môn toán Lượng giác ở trường, ta thực hành những lý thuyết đó bằng cách làm thật nhiều bài tập để có thể nắm vững những lý thuyết ấy.

- **Kết đoạn: Tóm lại, “ học” và “hành” một công việc rất cần thiết đối với mỗi con người đặc biệt là người học sinh.**

Câu 10:

- Câu mở đoạn: Học tập luôn là tài sản quý giá của con người.
- Các câu khai triển:
 - Học tập giúp chúng ta mở mang trí óc, biết được nhiều điều rộng lớn xung quanh chúng ta.
 - Ta có thể học theo nhiều cách có hiệu quả ngoài học từ thầy cô, cha mẹ, ta còn nên học cả ở bạn bè, những người hiểu biết rộng hơn chúng ta để thu thập được số lượng lớn những kiến thức mà mình chưa có hay chưa từng biết đến.
 - Cuộc đời con người chỉ có 1 con đường dẫn đến thành công chỉ là học tập. Nếu như không học chúng ta sẽ có hiểu biết hạn hẹp, đầu óc sẽ trở nên lú lẫn, và từ đó mà ta chẳng thể làm được điều gì cả . Thử nghĩ xem nếu bạn không học mà tình cờ muốn mua một loại thuốc nào đó trong khi bạn không biết đọc chữ thì làm sao bạn có thể mua được nó. Bạn không biết tính toán thì làm sao bạn trả được tiền khi mua đồ ăn ??? Khi không học bạn sẽ trở nên khó xử trước tình huống đó vậy nên chúng ta phải học .
- * **Câu kết đoạn:** Tóm lại, học có chất lượng để hiểu biết , để tận hưởng được hết những trải nghiệm quý giá trong cuộc đời mình.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Phép dạy, nhất định theo Chu Tử. Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học đến tứ thư, ngũ kinh, chư sử. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm. Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà

vững yên. Đồ mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua.

Đạo học thành người thì người tốt nhiều; người tốt nhiều thì triều đình ngay ngắn mà thiên hạ thịnh trị”

Câu 1: Đoạn văn được trích trong văn bản nào ? Của ai ?

Câu 2: Xác định kiểu câu và hành động nói của câu “*Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm*”? Em hiểu như thế nào về câu văn này?

Câu 3: Câu văn “Xin chớ bỏ qua.” thuộc kiểu câu gì ? Thực hiện hành động nói nào ?

Câu 4: Trong đoạn văn trên, Nguyễn Thiếp đã bàn luận đến các phép học nào? Tác dụng mà ông nêu lên là gì?

Câu 5: Từ thực tế học tập của bản thân em, em thấy phương pháp học tập nào là tốt nhất?

Câu 6: Tìm câu tục ngữ có nghĩa tương ứng với câu của tác giả Nguyễn Thiếp: “*Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm*”

Câu 7: Theo Nguyễn Thiếp, việc học không chỉ liên quan đến mỗi người mà còn quan hệ đến cả quốc gia, xã hội. Quan hệ ấy được hiểu như thế nào?

Câu 8: Nguyễn Thiếp nêu mục đích của việc học là làm người. Em có đồng ý với quan niệm đó không? Theo em, học để làm người trong thời đại ngày nay thì cần học những gì và học như thế nào?

Câu 9: Từ bài “Bàn luận về phép học” của Nguyễn Thiếp, viết đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ về mục đích và phương pháp học của bản thân?

Gợi ý:

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản “Bàn luận về phép học” của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp.

Câu 2:

- Kiểu câu: Cầu khiến

- Hành động nói: Điều khiển

- Học rộng rồi tóm lược cho gọn: học rộng, nghĩ sâu, viết tóm lược những điều cơ bản, cốt yếu; theo điều học mà làm: học phải biết kết hợp với hành. Học không phải chỉ để biết mà còn để làm. Muốn học tốt phải có phương pháp: Học cho rộng nhưng phải làm cho gọn, đặc biệt học phải biết áp dụng vào thực tế.

Câu 3: Câu văn “Xin chớ bỏ qua.” thuộc kiểu câu rút gọn. Thực hiện hành động nói câu khiến.

Câu 4: Phương pháp học của tác giả được thể hiện như thế nào trong đoạn trích?

+ Học từ những kiến thức cơ bản, có tính chất nền tảng:

- Từ thấp đến cao.
- Học rộng nghĩ sâu, biết tóm lược những điều cơ bản, cốt yếu nhất.
- Học kết hợp với hành, học để làm.

➔ Tác dụng: Đào tạo được nhân tài, nhờ thế mà nhà nước vững yên. Người tốt nhiều, triều đình ngay ngắn, thiên hạ thịnh trị.

Câu 5: Từ thực tế học tập của bản thân em, em thấy phương pháp học tập học đi đôi với hành là tốt nhất vì phương pháp ấy có thể giúp em biết kiến thức học trên lớp thành bài thực hành trong cuộc sống một cách chủ động.

Câu 6: Học ăn, học nói, học gói, học mở.

Câu 6: Tìm câu tục ngữ có nghĩa tương ứng với câu của tác giả Nguyễn Thiếp: “*Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm*”

Câu 7: Quan hệ ấy được hiểu :

- Chỉ có học tập mới giúp mỗi người có thêm tri thức.
- - Có tri thức mà mưu cầu danh lợi thì mỗi nguy hại mà nó đưa đến cho đất nước là rất to lớn.
- Có tri thức mà phát triển đúng hướng, đúng mục đích để làm người thì đất nước sẽ vững yên và phát triển.

Câu 8: Nguyễn Thiếp nêu mục đích của việc học là làm người. Đó là một quan niệm đúng đắn. Theo em, học để làm người trong thời đại ngày nay cần:

+ Học tri thức cơ bản và hiện đại về nhiều lĩnh vực cả tự nhiên và xã hội.

+ Phát huy năng lực tư duy, sáng tạo, kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp.

Về phương pháp học tập: Học đi đôi với hành, học gắn liền với thực tiễn.

Câu 9:

Gợi ý: Liên hệ về mục đích, phương pháp học tập của bản thân. Trình bày luận điểm theo phương pháp diễn dịch hoặc quy nạp. Viết thành đoạn văn chặt chẽ, rõ ràng về ý, chính xác về dùng từ, đặt câu.

* **Mở đoạn:** Trong cuộc sống tất cả mọi người đều mong muốn thành đạt, có vị trí trong xã hội, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Để vươn tới được mục đích ấy, ai cũng phải học tập để có kiến thức sau đó vận dụng vào cuộc sống. Trong cuộc sống

tất cả mọi người đều mong muốn thành đạt thì chúng ta cần phải kết hợp giữa mục đích và phương pháp học tập của bản thân.

*** Thân đoạn:**

- Trong bài “Bàn luận về phép học” của La Sơn Phu Tử, tác giả đã chỉ rõ học chân chính là học làm người, học từ dưới lên cao, từ dễ đến khó, hoặc để áp dụng vào cuộc sống, giúp cuộc sống nhân dân ấm no, hạnh phúc. Điều đó là rất đúng, vì vậy để học và hành có ý nghĩa, chúng ta thử bàn bạc nếu học mà không hành thì sao? Nếu chỉ học vì mục đích lấy danh thơm để chứng tỏ với mọi người vậy ta có học chỉ uống phí và mất thời gian. Hoặc nhiều người đi học để lấy điểm, lấy bằng cấp, theo đuổi chức vụ là những người phục vụ cá nhân, ích kỉ mà không vận dụng kiến thức để làm sao cho có sản phẩm quả là đáng trách. Hành mà không học đôi khi cũng có kết quả nhưng không chắc chắn, kết quả không cao bởi vì quá trình thực hiện công việc chưa có cơ hội kế thừa thế hệ trước bằng kinh nghiệm cũng như lý thuyết. Thậm chí hành mà không học có thể dẫn đến thất bại, phá sản,....

- Chính vì những vấn đề đã nêu ra ở phần trên, học không hành là vô ích, hành không học thì không có hiệu quả.

- Vì vậy, chúng ta phải kết hợp học đi đôi với hành. Sự kết hợp này chắc chắn đạt được kết quả cao. Sau khi nghiên cứu, tìm hiểu lý thuyết, chúng ta vận dụng ngay vào thực tế sẽ có kinh nghiệm để sáng tạo, sửa đổi cho phù hợp, từ đó chúng ta sẽ rút ra được không ít những kinh nghiệm để sáng tạo, sửa đổi cho phù hợp thì tiến độ làm vào sản phẩm sẽ nhanh, hiệu quả, có giá trị kinh tế. Vậy mỗi chúng ta hãy hiệu và thực hiện 2 yếu tố học và hành sẽ góp phần tạo ra của cải vật chất để xây dựng đất nước. Từ đó đưa dân tộc vượt đói, vượt nghèo, đứng ngang bằng với các nước trên thế giới vì trong quá trình học chúng ta đã tiếp thu được những kiến thức, văn minh của nhân loại.

- Từ đó ta hãy hiểu lối học chân chính của La Sơn Phu Tử, nếu học không chân chính sẽ dẫn đến mất nước quả là rất đúng. Riêng em, em sẽ vận dụng vào việc học và hành để có kiến thức trở thành một người công dân có đạo đức, hoàn thành trọng trách mà nhà nước giao phó cho mình.

*** Kết đoạn:** Tóm lại, mỗi chúng ta cần xác định đúng đắn mục đích và phương pháp học sao cho đúng đắn và hiệu quả.

B. DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN

Từ bài *Bàn luận về phép học* của Nguyễn Thiếp, hãy bàn về mối quan hệ giữa học và hành.

Lập dàn bài:

a. Mở bài: Giới thiệu vấn đề và dẫn lời của La Sơn Phu Tử "theo điều học mà làm".

b. Thân bài:

- Giải thích "học" là gì ? (tiếp thu kiến thức được tích lũy trong sách vở, trau dồi kiến thức, mở mang trí tuệ).

- Giải thích "hành" là gì ? (thực hành các ứng dụng kiến thức lí thuyết vào thực tiễn đời sống).

- Khẳng định "học" và "hành" là hai vấn đề luôn gắn liền, đi đôi với nhau như hai mặt của một vấn đề.

- Phải học và hành như thế nào cho hợp lí:

+ Học: thường xuyên học "Học, học, học nữa, học mãi" - Lê-nin; học ở mọi nơi, mọi lúc, học từ cấp thấp, đến cao, nắm được nội dung cốt lõi của vấn đề... - Nguyễn Thiếp.

+ Hành: ứng dụng những điều đã học vào thực tế, có như vậy thì mới đánh giá đúng được thực chất của việc học (lấy ví dụ minh họa về tác hại của việc "học" mà không "hành").

- Liên hệ với bản thân học sinh về mối quan hệ giữa "học" và "hành".

* *Kết bài*: Nêu suy nghĩ của mình về vấn đề và khẳng định tầm quan trọng của vấn đề.

Bài viết tham khảo 1:

Trong bài tấu gửi vua Quang Trung vào tháng 8 năm 1791, ở phần “ Bàn luận về phép học”, La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp có viết: “Học rộng rồi tóm lại cho gọn, theo điều học mà làm”. Như vậy, cách chúng ta mấy trăm năm, La Sơn Phu Tử đã nhận ra được tầm quan trọng của phương pháp học tập kết hợp giữa lí thuyết với thực hành. Điều đó cho chúng ta biết rằng giữa hai yếu tố “học” và “hành” có mối quan hệ mật thiết với nhau không thể tách rời.

Vậy, “học” là gì? Học là quá trình tiếp thu tri thức và biến những tri thức được tiếp thu ấy thành vốn hiểu biết của bản thân. Việc học không chỉ đơn thuần thông qua việc hướng dẫn giảng dạy của thầy cô, sự truyền thụ kinh nghiệm của những người lớn tuổi mà còn thông qua sự trao đổi với của bạn bè, qua việc đọc, nghiên cứu tài liệu, sách vở và quan sát từ thực tế cuộc sống. Tuy nhiên, “học” chỉ

dừng lại ở khâu lí thuyết. Muốn biến những điều đã học thành thực tế, nhất thiết phải thông qua lao động thực hành. “Hành” là những thao tác nhằm vận dụng các kĩ năng, kiến thức đã tiếp thu vào việc giải quyết những tình huống, những vấn đề cụ thể. Không một môn học nào lại không có phần thực hành. Việc thực hành thể hiện qua các bài tập sau khi vừa học lí thuyết, qua các tiết thí nghiệm thực hành các bộ môn Lý, Hóa, Sinh; qua các thao tác vận động ở bộ môn Thể dục. Theo La Sơn Phu Tử trình bày trong phần “bàn luận về phép học” thì “hành” là việc vận dụng đạo lý của thánh hiền vào cuộc sống, biến những triết lý trừu tượng thành việc làm cụ thể nhằm thể hiện nhân cách, phẩm giá của con người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh có nói: ‘Học mà không hành thì học vô ích, hành mà không học thì hành không trôi chảy’. Lời dạy trên của Bác cũng góp phần khẳng định mối quan hệ mật thiết và tương hỗ giữa hai yếu tố “học” và “hành” trong cuộc sống. Việc thực hành có tác dụng củng cố kiến thức, khắc sâu những điều đã học. Người có học mà không biết ứng dụng những điều đã học vào thực tế thì việc học ấy trở thành vô ích. Sau mỗi bài học lí thuyết là bài bài tập để củng cố, sau mỗi tiết thí nghiệm thực hành là kiến thức đã học được khắc sâu hơn. Nếu không có những tiết bài tập và thí nghiệm thì những điều chúng ta đã học sẽ trở thành mớ lý thuyết suông không có tác dụng gì.

Ngược lại, hành mà không học thì hành không trôi chảy. Trong học tập, học sinh muốn làm được một bài văn hay một bài toán thì không những phải nắm vững lí thuyết mà còn phải biết vận dụng lí thuyết để làm từng kiểu bài cụ thể. Anh công nhân trong xưởng máy vận dụng lí thuyết để cải tiến kĩ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm. Chị nông dân áp dụng khoa học vào đồng ruộng để có được những vụ mùa bội thu... Có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thời đại. Thực tế cho thấy trong tất cả các cấp học ngày nay, phương châm học đi đôi với hành là hoàn toàn đúng. Những kiến thức mà chúng ta tiếp thu được từ nhà trường, sách vở... phải được áp dụng vào thực tiễn cuộc sống để sáng tạo ra những thành quả vật chất, tinh thần phục vụ con người.

Tóm lại, từ việc tìm hiểu bài tấu “Bàn luận về phép học” của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, em nhận thấy hai yếu tố “học” và “hành” đều có tầm quan trọng như nhau và quan hệ mật thiết cùng nhau. “Học” có vai trò dẫn dắt việc “hành” và “hành” có tác dụng củng cố khắc sâu và hoàn chỉnh việc “học”. Từ đó, em phải

thay đổi phương pháp học tập sao cho đúng đắn, biết kết hợp vận dụng tốt cả hai yếu tố “học” và “hành” để nâng cao trình độ học vấn của bản thân và áp dụng linh hoạt vào thực tế.

Bài viết tham khảo 2:

Mỗi người khi sinh ra đều phải học. Nhưng học như nào để có hiệu quả.? Từ xưa vấn đề này đã được các nhà thông thái bàn tới. Trong bài tấu "Bàn luận về phép học" gửi vua Quang Trung, La Sơn Phu Tử cũng có viết, cần phải "theo điều học mà làm". Điều đó nói lên tầm quan trọng của phương pháp học đi đôi với hành, một trong những phương pháp quyết định tới sự thành công của người học.

Cốt lõi của việc học là rèn luyện con người thành người tốt. Học để làm người tốt đẹp, có nhân cách cao thượng, biết phân biệt lẽ đúng sai. Học để giữ gìn đạo lý ở đời. **Học là quá trình ta tiếp thu kiến thức cho bản thân mình thông qua sách vở, quá trình giao tiếp với mọi người xung quanh.** Học là cách ta nắm vững lí luận đã được đúc kết trong các bộ môn khoa học, đồng thời tiếp nhận những kinh nghiệm của cha anh đi trước, trau dồi kiến thức, mở mang trí tuệ, từng lúc cập nhật hóa sự hiểu biết của bản thân. Hành là hành động, là hoạt động, là làm, là thực hành. Học đi đôi với hành có nghĩa là vừa học lí thuyết vừa thực hành, vận dụng; lấy lí thuyết soi sáng thực hành, lấy thực hành củng cố lí thuyết. "Theo điều học mà làm" có nghĩa là biến những kiến thức đã học được vận dụng vào trong thực tế. phải biết làm theo những điều đã học để phục vụ lao động sản xuất, để ứng dụng vào cuộc sống.

Trong phần cuối của bài tấu, đã bàn về phép học (Luận học pháp) : “Học phải rộng sau đó tóm gọn theo điều học mà làm”. **Rõ ràng từ xưa ông cha ta đã đề cao việc học phải đi đôi với hành.** Theo Nguyễn Thiếp, mục đích của việc học là học để làm người tốt đẹp, có nhân cách cao thượng; học để biết phân biệt lẽ đúng sai; học để giữ gìn kỉ cương và đạo lý ở đời. Nghĩa là phải biến những điều đã học được thành hành động cụ thể để tạo ra một hiệu quả nhất định. Học và hành là hai mặt của một quá trình thống nhất, nó không thể tách rời mà phải luôn gắn chặt với nhau làm một. Học là để hiểu biết còn hành là để quen tay. Chúng ta cần hiểu rõ “hành” vừa là mục đích vừa là phương pháp học tập. Một khi đã nắm vững kiến thức, đã

tiếp thu lí thuyết mà ta không vận dụng vào thực tiễn, thì học cũng trở nên vô ích. Bởi thế học và hành hết sức quan trọng và có mối quan hệ mật thiết.

Nếu “học” mà không “hành” tức là nắm vững lí thuyết mà thiếu kĩ năng, thiếu kinh nghiệm thực tế, làm việc dễ thất bại, trở thành người vô dụng. Một đất nước có nhiều người hay chữ, đó là điều tốt. Tuy nhiên, điều đó cũng đem đến những hạn chế to lớn nếu chỉ có văn hay chữ tốt mà không biết vận dụng nó vào trong đời sống, khiến cho những kiến thức có được trở nên có ích cho đời cho xã hội. Giống như muôn hoa đua nở trên cành mà không thơm hương, tuy đẹp mà vô dụng vậy. Thực tế hiện nay, có nhiều bạn trẻ khi rời ghế nhà trường vào một nhà máy, một cơ quan... lúng túng không biết phải làm công việc mà chuyên môn mình đã được học như thế nào dẫn đến gặp rất nhiều khó khăn, nhiều khi là sự hoang mang, chán nản. Nguyên do là “học” mà không “hành”, là do học không thấu đáo, khi còn ngồi trên ghế nhà trường không thật sự chuyên tâm, rèn luyện, trau dồi kiến thức hoặc thiếu môi trường hoạt động. Không thể học sáo rỗng, có thể đọc thiên kinh vạn quyển, "chữ chứa đầy bụng", nhưng khi bước vào đời thì ngu ngơ, rỗng tuếch, trở thành kẻ "thầy dở, thợ dốt". Vì không "học đi đôi với hành", vì không biết "theo điều học mà làm" nên nhiều người "đua học hình thức cầu danh lợi" như La Sơn đã chê trách. Cho nên học tập phải thiết thực và hữu ích.

Ngược lại nếu hành mà không có lí luận, lí thuyết soi sáng và kinh nghiệm đã được đúc kết dẫn dắt thì việc ứng dụng vào thực tiễn sẽ lúng túng, gặp rất nhiều khó khăn trở ngại, thậm chí có khi còn dẫn đến những sai lầm to lớn nữa. La Sơn Phu tử cũng đã chú ý đến vấn đề này. Ông dặn dò: “Cứ theo điều học mà làm”. Nghĩa là, khi làm việc không được rời xa điều đã học, đảm bảo đúng đắn, chính xác, không sai lệch. Nền chính học được xây dựng dựa trên những điều đã được kiểm nghiệm thực tế, nếu lý thuyết đã được khẳng định thì nên tuân theo, không nên làm khác đi. Điều khác biệt, cái mới, cái sáng tạo sẽ được tôn trọng và đề chỉ khi nó đúng, còn nếu làm khác một cách cố chấp, mù quáng thì có khác chi là ngu xuẩn vậy.

Nếu vừa “học” vừa “hành” thì vừa nắm vững lí thuyết vừa có kĩ năng vững vàng, hình thành kinh nghiệm thực tế, ít sai sót, dễ hoàn thành công việc và thành công trong cuộc sống. Thông thuộc kinh sử, sách vở cổ kim là điều mà các bậc danh nho luôn chú tâm. Phải biết một cách chắc chắn rồi mới làm. Qua thực tế

mà tự hoàn thiện bản thân, hạn chế được sai lầm, thiệt hại, tránh làm cho bản thân hoặc người khác bị tổn thất. Nước ta đang trên đường phát triển và hội nhập quốc tế, cho nên "học đi đôi với hành", "theo điều học mà làm" là những phương châm giúp chúng ta cải tiến phương pháp học tập. Các môn khoa học tự nhiên là cực kì quan trọng, sẽ trang bị cho thanh thiếu nhi bao kiến thức khoa học, kĩ thuật hiện đại. Phòng thư viện, phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, nhất là phòng máy tính,... đã và đang được xây dựng, phát triển ở các trường tiểu học, trường phổ thông trên phạm vi cả nước đã cho thấy việc "học đi đôi với hành", "theo điều học mà làm" được ngành giáo dục và xã hội quan tâm, coi trọng như thế nào.

Vậy muốn học và hành có hiệu quả mỗi người cần phải học và hành một cách chân chính. Trước hết, theo La Sơn Phu Tử là phải học lấy cái gốc của tri thức. Phải học có hệ thống một cách bài bản, kĩ lưỡng, không được lơ là. Thông hiểu tri thức, thấu hiểu lí lẽ ở đời mới giúp con người có hành động đúng đắn, công việc được trôi chảy. Từ đó đạo đức cũng được đề cao, đạo học được khẳng định mạnh mẽ. Việc nắm vững tri thức sẽ làm nảy sinh khát vọng làm việc và cống hiến của con người. Điều đó là rất đúng, vì vậy để học và hành có ý nghĩa, chúng ta thử bàn bạc về mối quan hệ giữa học và hành. Nếu chỉ học vì mục đích lấy danh thom để chứng tỏ với mọi người là ta có học thì chỉ uổng phí và mất thời gian. Hoặc nhiều người đi học để lấy điểm, lấy bằng cấp, theo đuổi chức vụ là những người phục vụ cá nhân, ích kỉ mà không vận dụng kiến thức để làm sao cho có sản phẩm quả là đáng trách. Chính vì vậy nên học không hành là vô ích, hành không học thì không có hiệu quả. Vì vậy, chúng ta phải kết hợp học đi đôi với hành. Sự kết hợp này chắc chắn đạt được kết quả cao. "Học đi đôi với hành", "theo điều học mà làm" là phương châm, phương pháp giúp học sinh, sinh viên phát huy tinh thần chủ động, năng động trong học tập, sớm xác định được mục tiêu học tập đúng đắn. Học để mở mang tầm hiểu biết, để trở thành người lao động có kĩ thuật, có khoa học để phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Qua phân tích tác dụng của việc “học đi đôi với hành” ta thấy quan điểm của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp luôn đúng ở mọi thời đại, đây là một phương pháp học đúng đắn và hiệu quả nhất. Chính vì thế mỗi người hãy lựa chọn cho mình mục đích học tập đúng đắn nhất để vận dụng phương pháp học đi đôi với

hành này để có thể đi tới được thành công của chính mình đồng thời đem lại lợi ích cho quốc gia xã hội.